

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/2021/PHS-BTKCT
V/v: CBTT Báo cáo thường niên
năm 2020

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS)**

Trụ sở chính: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 5479 Fax: (+84 28) 5413 5472

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Chen Chia Ken

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PHS trân trọng công bố báo cáo thường niên năm 2020.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHS tại: <https://www.phs.vn>, phần Quan Hệ Cổ Đông, mục Thông tin cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban thư ký.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Ông CHEN CHIA KEN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





MỤC LỤC

07

I. THÔNG TIN CHUNG

- 08** Thông tin khái quát.
- 15** Ngành nghề và địa điểm kinh doanh.
- 19** Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
- 23** Định hướng phát triển.
- 24** Các rủi ro.

25

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 25** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 28** Tổ chức và nhân sự.
- 30** Tình hình đầu tư, Tình hình thực hiện các dự án.
- 30** Tình hình tài chính.
- 32** Cơ cấu cổ đông, Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- 33** Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 34** Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 36** Tình hình tài chính.
- 39** Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
- 39** Kế hoạch phát triển trong tương lai.
- 43** Giải trình của ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.
- 45** Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của 6. Báo cáo đánh giá trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

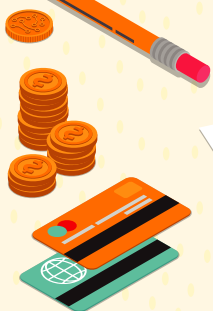




50

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 50 Hội đồng quản trị.
- 54 Ban kiểm soát.
- 55 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.



48

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 45 Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty.
- 48 Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty.
- 49 Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị.



59

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 56 Ý kiến kiểm toán
- 57 Báo cáo tài chính được kiểm toán



THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi quý Cổ đông, quý Khách hàng và quý Đồng nghiệp,

Năm 2020 là một năm đầy biến động của cả thế giới dưới tác động của đại dịch COVID-19 khiến hơn 1,8 triệu người đã tử vong, nhiều quốc gia phải đóng cửa nền kinh tế gây đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, sản xuất trì trệ và tình trạng thất nghiệp gia tăng. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn đó, Việt Nam đã trở thành điểm sáng khi vừa kiểm soát thành công dịch bệnh, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế giúp nâng cao uy tín và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Trong năm 2020, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt mức 2,91%, là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất trên thế giới nhờ đẩy mạnh đầu tư công (+34,5%YoY) và xuất khẩu (+6,5%YoY). Nền kinh tế tiếp tục duy trì được sự ổn định với lạm phát được kiểm soát ở mức 3,23%, thấp hơn mục tiêu 4% mà Chính phủ đã đề ra. Tỷ giá hối đoái ít biến động nhờ cán cân thương mại đạt mức xuất siêu kỷ lục 19,1 tỷ USD và FDI giải ngân gần tương đương với năm 2019, đạt 20 tỷ USD.

Thị trường chứng khoán cũng có những biến động đồng pha với nền kinh tế khi phục hồi theo “mô hình chữ V”. VN-Index kết thúc năm 2020 ở mức 1.103,87 điểm, tăng 15% so với cuối năm 2019 nhưng tăng gần 70% so với đáy cuối tháng 3/2020 nhờ sự trợ lực từ dòng vốn “rẻ” khi lãi suất điều hành được cắt giảm xuống mức thấp chưa từng có. Đáng chú ý, thị trường chứng khoán trong năm 2020 đã chào đón 392 nghìn tài khoản giao dịch mới, gấp đôi so với năm ngoái. Giá trị giao dịch bất ngờ tăng cao kỷ lục trong ba tháng cuối năm nâng giá trị giao dịch bình quân trong năm 2020 lên mức 6.938 tỷ đồng/ngày, tăng 60% so với trung bình năm 2019. Thị trường chứng khoán phái sinh cũng có những bước tiến vượt bậc với 39,9 triệu hợp đồng được thực hiện trong năm 2020, tương đương khoảng 158 nghìn hợp đồng/ngày, gần như gấp đôi số lượng hợp đồng giao dịch bình quân trong năm 2018 và 2019. Khối lượng hợp đồng mở (OI) vào thời điểm cuối tháng 12/2020 đạt hơn 40 nghìn hợp đồng, tăng mạnh so với mức 16.6 nghìn hợp đồng thời điểm cuối năm 2019.

Hiểu được đây là môi trường kinh doanh đầy thách thức, nên chúng tôi đã linh hoạt và thực hiện những cách phù hợp để tạo điều kiện cho PHS đạt được những thành tích tốt dưới sự ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Tôi vui mừng thông báo đến Quý Cổ đông rằng doanh thu mà Ban Lãnh Đạo và toàn thể nhân viên Công ty đạt được trong năm nay được đánh giá là tốt nhất từ trước đến nay. Công ty ghi nhận tổng doanh thu đạt 216.281 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế 52.843 triệu đồng, tăng đáng kể so với năm 2019 và PHS cũng thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt 3,3% mỗi cổ phiếu cho Cổ đông. Nhân cơ hội này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các Cổ đông và các bên liên quan đã ủng hộ PHS để PHS đạt được thành công của một năm vừa qua.

Trong môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng như hiện nay, cơ sở hạ tầng sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng. Chúng tôi đã ứng dụng những công nghệ phân tích dữ liệu tiên tiến để giúp chúng tôi theo dõi kịp thời các biến động trên thị trường và nâng cao khả năng giám sát của chính mình. Chúng tôi sẽ luôn đón đầu các công nghệ mới, nắm lấy những lợi ích mà công nghệ mang lại và sẽ thường xuyên cập nhật các quy trình. PHS sẽ không chỉ cung cấp hệ thống giao dịch với công nghệ tiên tiến mà còn áp dụng chuyển đổi kỹ thuật số vào hoạt động kinh doanh để tận dụng các cơ hội và hiệu quả của sự đổi mới mang lại.

Công ty sẽ tiếp tục duy trì truyền thống về việc tuân thủ cách quản lý để phát triển bền vững và tiếp tục tuân thủ các quy tắc, các tiêu chuẩn đạo đức doanh nghiệp. PHS xây dựng văn hóa tổ chức lành mạnh và sôi động để các nhân viên tài năng của mình phát huy hết tiềm năng của họ. Ngoài ra, PHS cam kết tạo môi trường tài chính tin cậy để tất cả khách hàng có thể tự tin thực hiện giao dịch với chúng tôi.

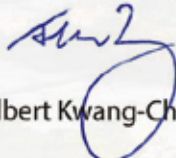
Công ty sẽ tiếp tục đổi mới để tạo ra các giá trị chung và cống hiến để xây dựng một xã hội đồng tồn tại. PHS sẽ tiếp tục tạo ra giá trị chung để có thể góp phần xây dựng xã hội với sự quan tâm, chia sẻ và cùng phát triển.

Trong năm qua, chúng ta đã phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng sâu sắc, không phải do chúng ta tạo ra, cũng không phải một mình chúng ta có thể giải quyết được, mà là cuộc khủng hoảng mà chúng ta đã phải đối mặt với lòng dũng cảm, niềm tin và sự kiên cường. Tôi vẫn lạc quan về những gì phía trước, và tôi tin rằng tất cả chúng ta đều có thể tự tin vào tương lai của mình.

Khi chúng tôi nhìn về tương lai năm 2021, Hội đồng Quản trị tin rằng PHS sẽ mạnh mẽ vượt qua đại dịch này hơn trước nữa. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên của Công ty, những người đã làm việc cả ngày lẫn đêm để đảm bảo rằng khách hàng và toàn thể PHS đã sẵn sàng để vượt qua những thách thức do đại dịch COVID-19 đặt ra. Cuối cùng, tôi xin cảm ơn các Cổ đông của chúng tôi đã tiếp tục tin tưởng và đồng hành cùng PHS vượt qua giai đoạn đầy thử thách này.



CHỦ TỊCH


Albert Kwang-Chin Ting

THÔNG TIN CHUNG



Thông tin khái quát

- Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2020
- Giá trị cốt lõi
- Quá trình hình thành và phát triển



I. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- ✿ **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (“PHS”)
- ✿ **Giấy phép kinh doanh số:**
 - Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 20/01/2016.
 - Giấy phép điều chỉnh 18/GPĐC-UBCK ngày 22/06/2016 thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính.
 - Giấy phép điều chỉnh vốn điều lệ số 23/GPĐC-UBCK ngày 25/07/2016.
 - Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23/01/2017 bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành.
 - Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2018 ghi nhận vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng.
 - Giấy phép điều chỉnh số 100/GPĐC-UBCK ngày 29/11/2018 cập nhật thông tin của người đại diện theo pháp luật.
 - Giấy phép điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 26/12/2018 cập nhật vốn điều lệ 700.000.000.000 đồng.
 - Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 21/08/2019 cập nhật việc bổ sung người đại diện theo pháp luật.
 - Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 04/03/2020 cập nhật vốn điều lệ 900.000.000.000 đồng.
- ✿ **Vốn điều lệ** 900.000.000.000 đồng
- ✿ **Vốn chủ sở hữu** 993,428,913,823 đồng
- ✿ **Địa chỉ** Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ✿ **Số điện thoại** (84 28) 5413-5479
- ✿ **Số fax** (84 28) 5413-5472
- ✿ **Website** www.phs.vn
- ✿ **Email** support@phs.vn
- ✿ **Mã cổ phiếu** PHS



Trụ sở chính	📍 Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM ☎ Điện thoại: (84 28) 5413 5479 📠 Fax: (84 28) 5413 5472 ✉ Email: support@phs.vn
Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng	📍 Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM ☎ Điện thoại: (84 28) 5413 5478 📠 Fax: (84 28) 5413 5473
Chi nhánh Quận 3	📍 Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM ☎ Điện thoại: (84 28) 3820 8068 📠 Fax: (84 28) 3820 8206
Chi nhánh Tân Bình	📍 Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM. ☎ Điện thoại: (84 28) 3813 2401 📠 Fax: (84 28) 3813 2415
Chi Nhánh Quận 1	📍 Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM ☎ Phone: (84-28) 3 535 6060 📠 Fax: (84-28) 3 535 2912
Chi Nhánh Hà Nội	📍 Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ☎ Điện thoại: (84-24) 3 933 4566 📠 Fax: (84 24) 3933 4820
Chi Nhánh Thanh Xuân	📍 Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. ☎ Điện thoại: (84 24) 6250 9999 📠 Fax: (84 24) 6250 6666
Chi Nhánh Hải Phòng	📍 Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng ☎ Điện thoại: (84 225) 384 1810 📠 Fax: (84 225) 384 1801



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2020

Đơn vị: triệu đồng, trừ khi được ghi chú khác	2017	2018	2019	2020	Thay đổi 2020/2019
KẾT QUẢ KINH DOANH					
Doanh thu	130,033	175,584	201,793	216,281	7.2%
Môi giới	41,793	51,453	50,211	65,884	31.2%
Đầu tư	1,181	1,625	1,523	3,976	161.0%
Tư vấn	270	250	935	241	-74.2%
Khác	86,790	122,255	149,125	146,180	-2.0%
Chi phí	112,707	138,134	143,988	150,566	4.6%
Lợi nhuận trước thuế	17,326	37,450	57,805	65,715	13.7%
Lợi nhuận sau thuế	17,326	37,450	47,522	52,843	11.2%
ROE	0.04	0.07	0.12	0.06	-
ROA	0.02	0.03	0.06	0.03	-
TÀI SẢN					
Tổng tài sản	1,152,907	1,512,416	1,676,834	2,135,100	27.3%
Vốn điều lệ	320,000	700,000	700,000	900,000	28.6%
Vốn chủ sở hữu	508,414	745,864	770,285	993,429	29.0%
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2.27	2.03	2.18	2.15	
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1.27	1.03	1.18	1.15	
Tỷ lệ an toàn vốn	567%	783%	852%	863%	
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	537	729	679	603	-11.19%
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	32,246,085	51,395,265	69,999,510	87,704,428	25.29%
Cổ tức / cổ phần (đồng)	-	330	-	-	
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (NGƯỜI)	177	213	198	236	



DOANH THU

216

tỷ đồng

Môi giới Chứng khoán

65.884

Triệu đồng

Đầu tư

3.976

Triệu đồng

TÀI SẢN

2,135

tỷ đồng

Vốn điều lệ

900

Tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu

993

Tỷ đồng



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN

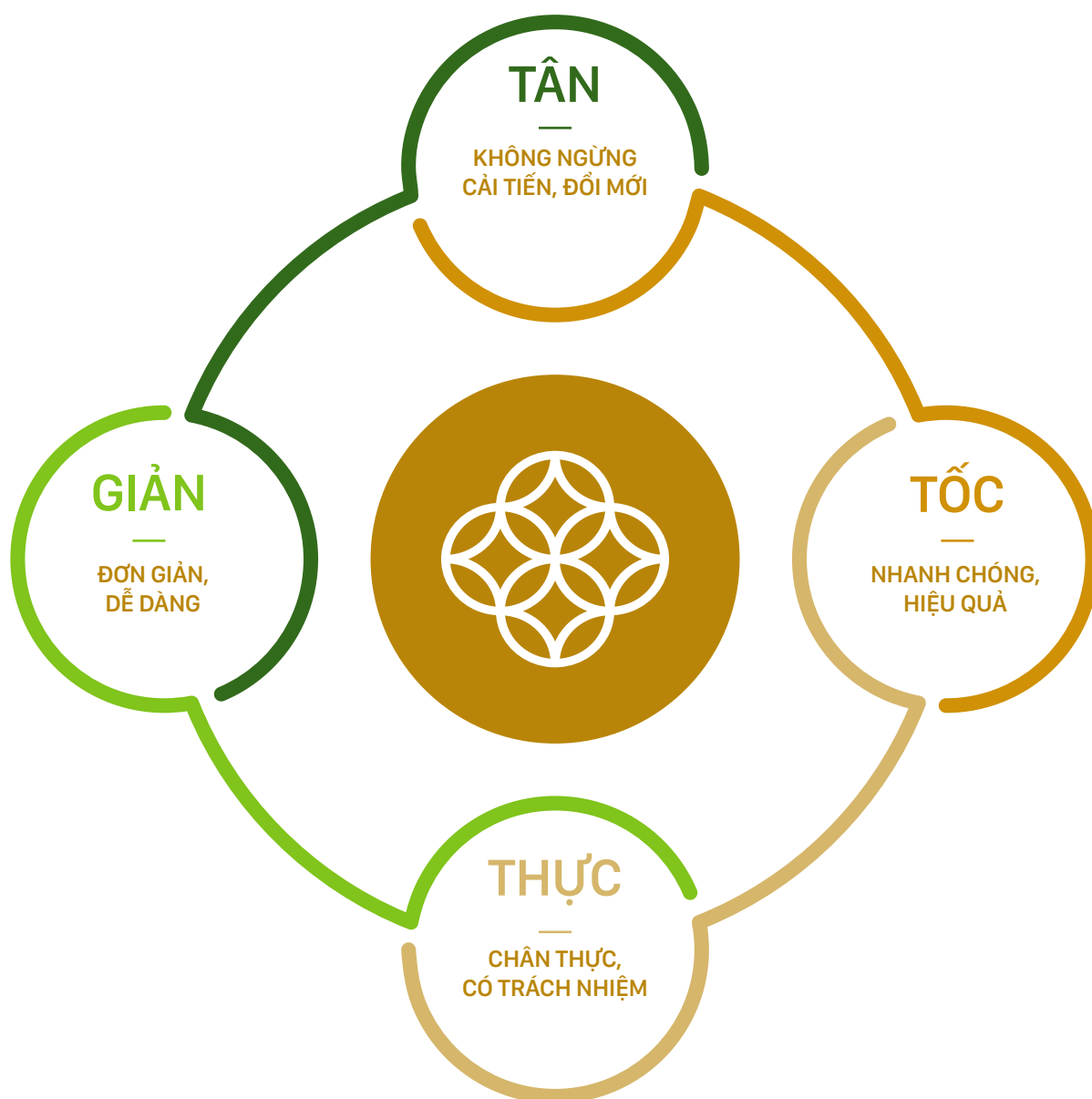
236

NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

2

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

PHS LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG LÊN HÀNG ĐẦU VÀ XEM ĐÓ LÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CỐT LÕI ĐỂ KHÔNG NGỪNG HOÀN THIỆN. NHỮNG GIÁ TRỊ NÀY ĐƯỢC PHẢN ÁNH THÔNG QUA NHỮNG NGUYÊN TẮC THIẾT YẾU TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA PHS



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

15/11/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh	Vốn điều lệ ban đầu là 22.680.000.000 đồng
01/12/2006	UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán	
14/12/2006	Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	
18/12/2006	Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	
29/12/2006		Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng
05/09/2008		Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng
10/11/2008	Chuyển Trụ sở chính chuyển về Tầng 5, Tòa nhà Lawrence S. Ting, Số 801 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	
23/01/2009	Đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Lạc thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)	
28/04/2009		Tăng vốn điều lệ lên 135.000.000.000 đồng
12/01/2010		Tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng
13/11/2012		Tăng vốn điều lệ lên 347.450.000.000 đồng
18/03/2014	Trở thành một thành viên Trái phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	

19/11/2015	Chấp thuận Hợp Nhất giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành	
20/01/2016	Nhận được Giấy phép thành lập và hoạt động CTCP Chứng khoán Phú Hưng sau Hợp Nhất số 122/GP-UBCK	Vốn điều lệ 202.585.070.000 đồng
29/06/2016	Chuyển Trụ sở chính về Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	
25/07/2016		Tăng vốn điều lệ lên 320.000.000.000 đồng
23/01/2017	UBCKNN chấp thuận để thực hiện thêm nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	
11/01/2018		Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng
27/04/2018	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội công nhận tư cách thành viên giao dịch trái phiếu Chính phủ	
26/12/2018		Tăng vốn điều lệ lên 700.000.000.000 đồng
19/07/2019	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của PHS trên thị trường UpCoM	
31/07/2019	Cổ phiếu PHS lần đầu tiên được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM	
04/03/2020		Tăng vốn điều lệ lên 900.000.000.000 đồng
16/06/2020	UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán Phái Sinh	
16/11/2020	UBCKNN chấp thuận thành lập Chi nhánh Quận 1	

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

16/12/2016	PHS được UBCKNN tặng bằng khen thưởng thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.
12/2016	PHS được các cơ quan chức năng tặng cờ Truyền thống, giấy khen thưởng và thư cảm ơn vì thành tích 10 năm hoạt động cho tập thể và các cá nhân thuộc Công ty.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG PHÁT TRIỂN KHÔNG NGỪNG CÙNG VỚI NHỮNG BƯỚC TIẾN VƯỢT TRỘI CỦA NỀN KINH TẾ TRONG NƯỚC. VỚI TIỀM LỰC VỮNG MẠNH, CHIẾN LƯỢC KINH DOANH RÕ RÀNG, CỘNG VỚI SỰ NỖ LỰC KHÔNG MỆT MỎI CỦA TOÀN THỂ CÁN BỘ NHÂN VIÊN, PHS LUÔN TỰ TIN SONG HÀNH CÙNG SỰ ĐI LÊN CỦA THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS), được thành lập từ năm 2006, là công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu ở Việt Nam. Chúng tôi chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ, công ty bảo hiểm, và ngân hàng đầu tư trong nước và nước ngoài.

Từ năm 2008, với sự tham gia của cổ đông chiến lược là Công ty CX Technology, một công ty chuyên cung cấp các thành phần rên nguội và ép nhựa hàng đầu Đài Loan và được niêm yết trên thị trường chứng khoán Đài Loan, PHS tiếp tục củng cố nền tảng tài chính vững mạnh để tự tin cung cấp các nghiệp vụ chứng khoán như:

MÔI GIỚI ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN



TƯ VẤN
ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



LƯU KÝ



TỰ DOANH



BẢO LÃNH
PHÁT HÀNH



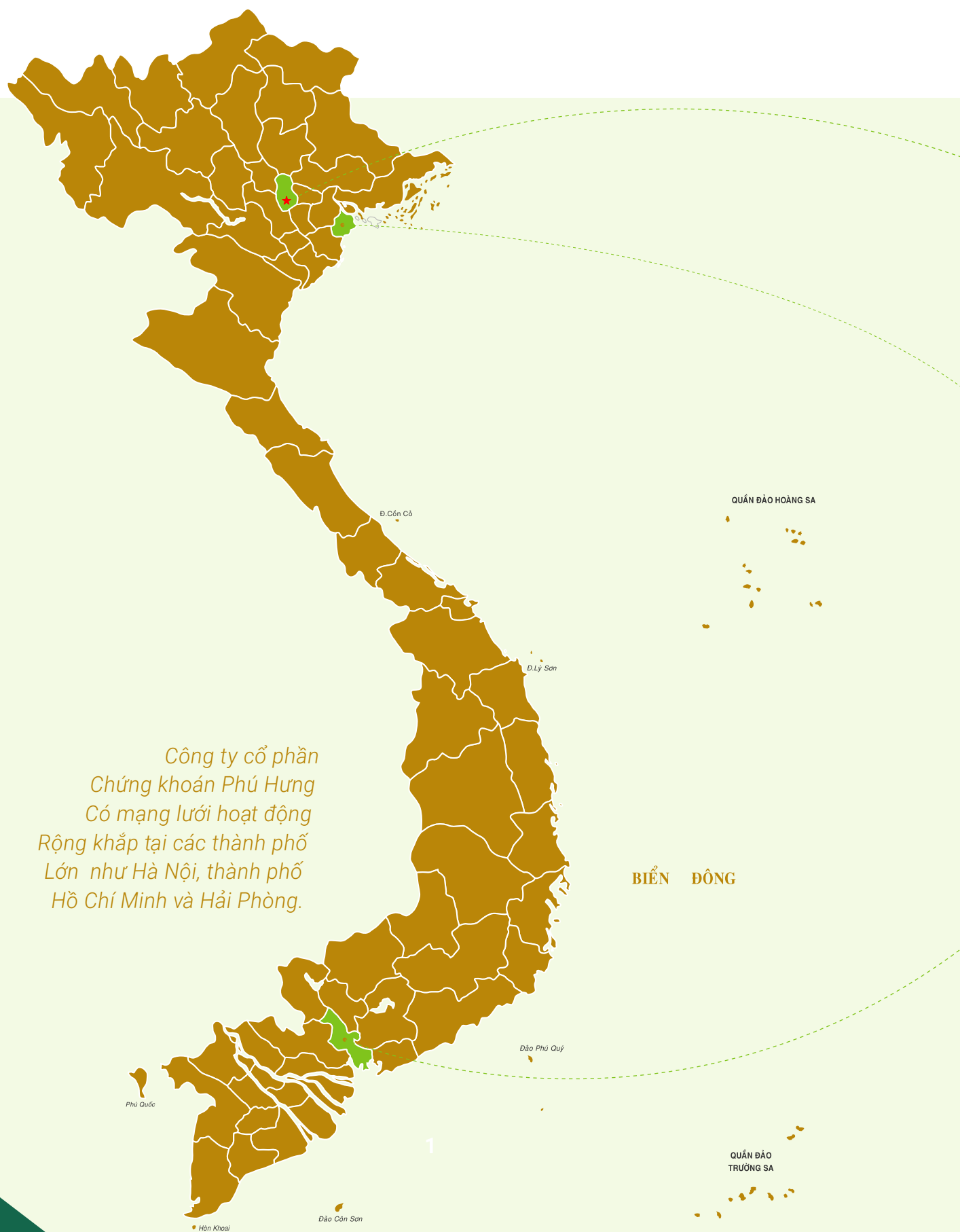
CHỨNG KHOÁN
PHÁI SINH







MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG





HEAD OFFICE

Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

☎ (84-28) 5 413 5479

☎ (84-28) 5 413 5472

☎ (84-28) 5 411 8855

✉ info@phs.vn / support@phs.vn

Tổng đài đặt lệnh: (84-28) 5 413 5488

Website: www.phs.vn

HÀ NỘI

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc,
phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ (84-24) 3 933 4566; ☎ (84-24) 3 933 4820

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy,
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (84-24) 6250 9999

HẢI PHÒNG

Chi Nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

☎ (84-225) 384 1810; ☎ (84-225) 384 1801

TP. HỒ CHÍ MINH

Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,
107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

☎ (84-8) 5 413 5478; ☎ (84-8) 5 413 5473

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,
364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, Tp. HCM

☎ (84-8) 3 813 2401; ☎ (84-8) 3 813 2415

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,
157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

☎ (84-8) 3 820 8068; ☎ (84-8) 3 820 8206

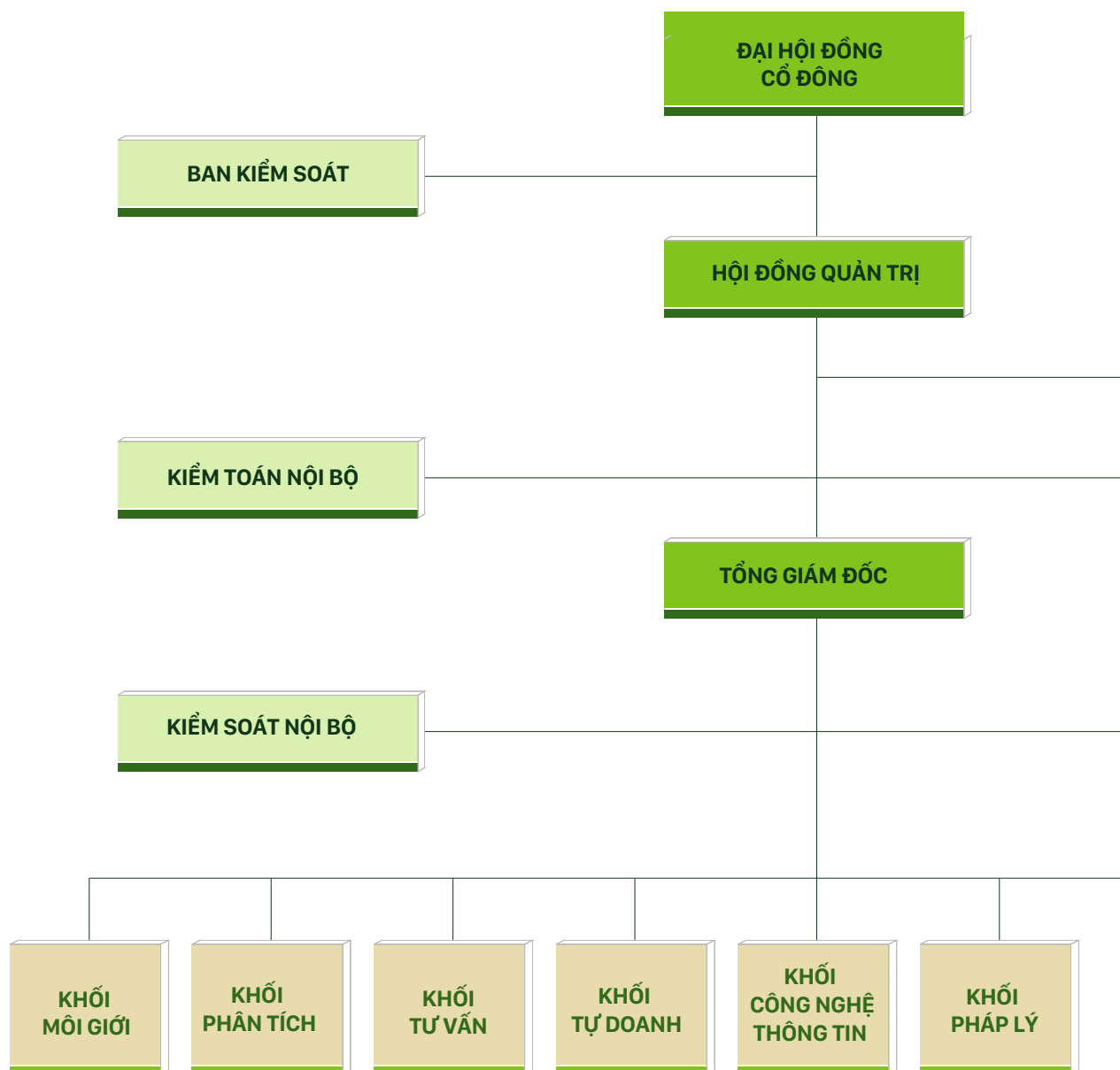
Chi nhánh Quận 1

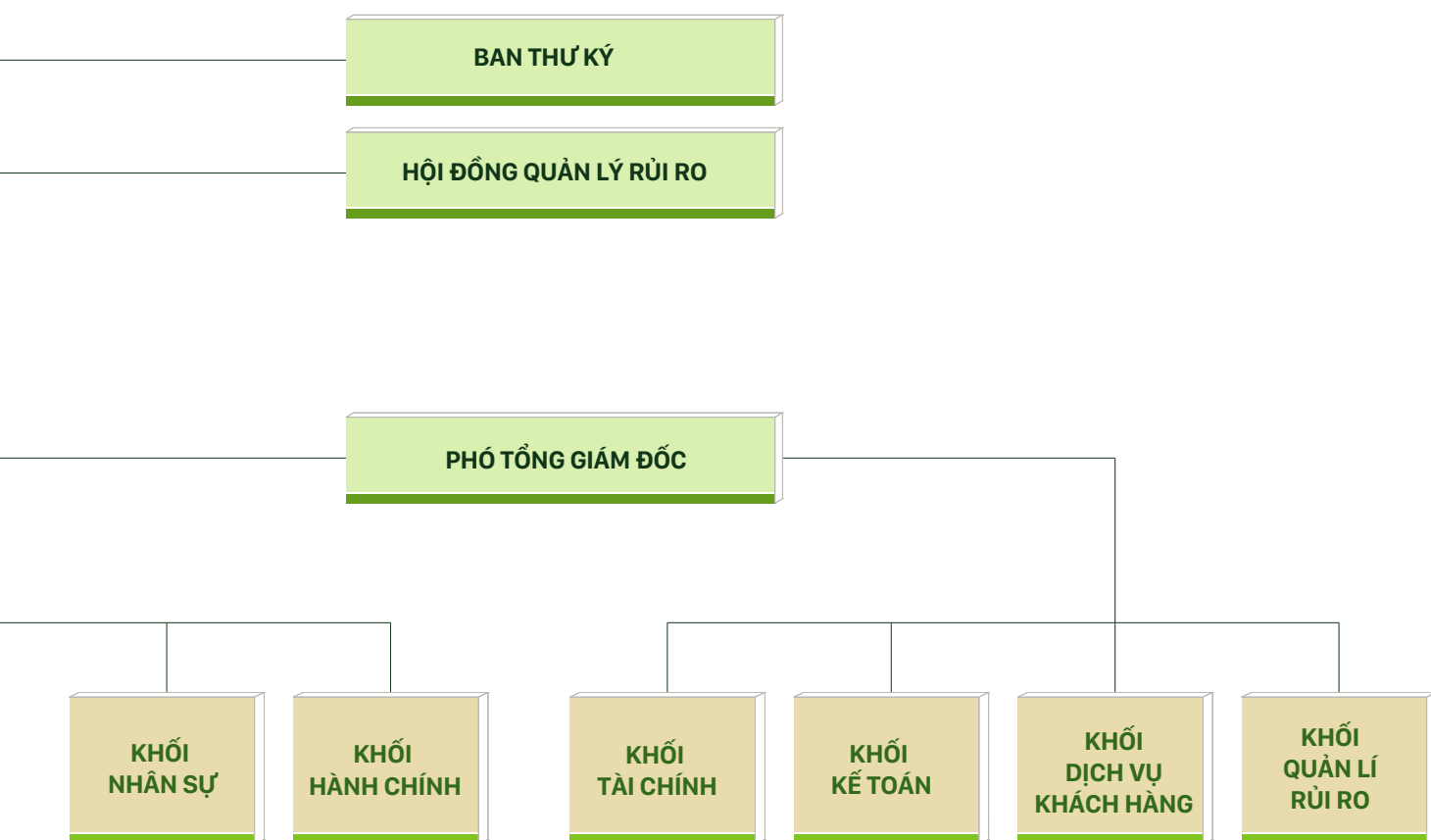
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

☎ (84-28) 3 535 6060; ☎ (84-28) 3 535 2912



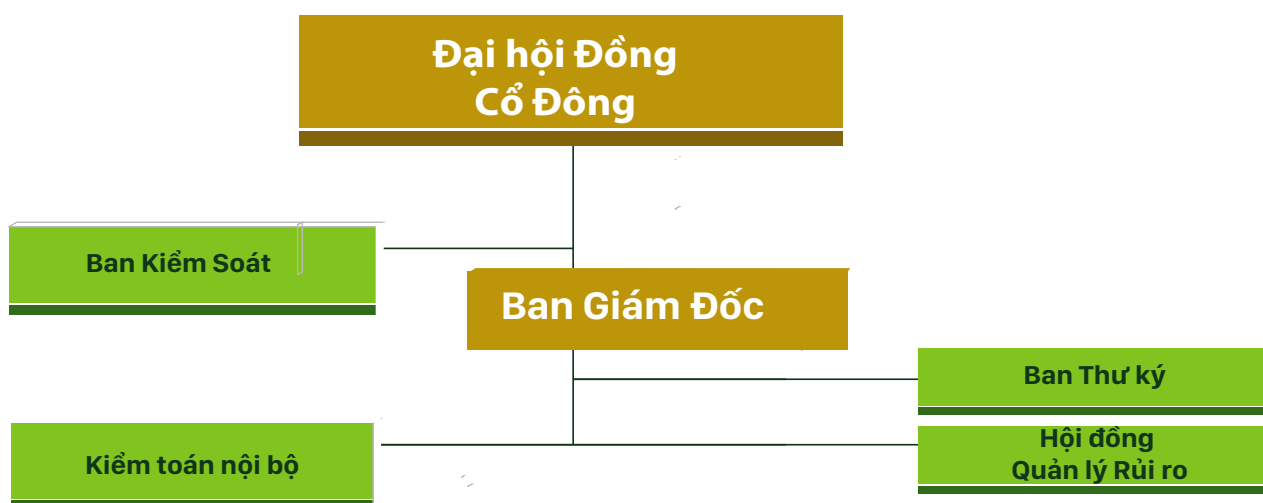
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra Ban Kiểm Soát và Hội Đồng Quản Trị để giúp các cổ đông quản lý Công ty. Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Hội Đồng Quản Trị quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiểm toán nội bộ và Hội đồng Quản lý rủi ro trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Ban Thư ký Công ty phụ trách các công việc hành chính hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị.

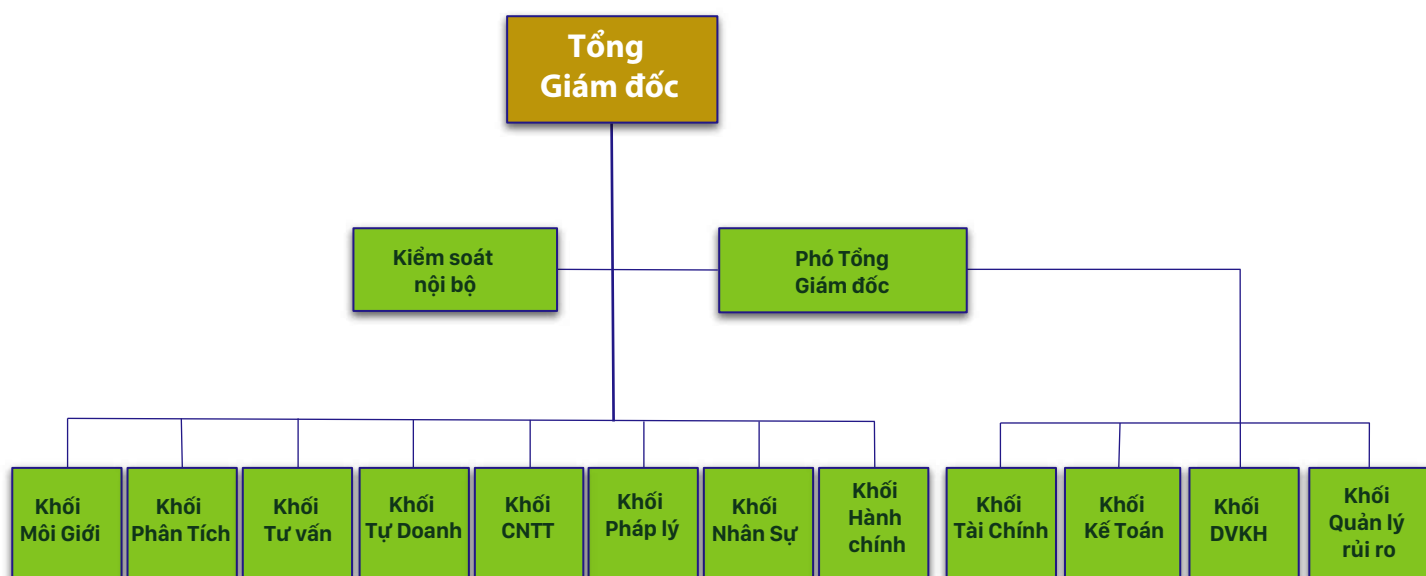


CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

PHS xây dựng bộ máy điều hành dưới sự lãnh đạo và chịu trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị. Tổng Giám đốc đứng đầu bộ máy điều hành, trực tiếp chỉ đạo quản lý các khối, phòng ban trong Công ty.

Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc điều hành khối Tài chính, khối Kế toán, Khối Dịch vụ khách hàng và Khối Quản lý rủi ro. Kiểm soát nội bộ hỗ trợ Tổng Giám đốc kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong các hoạt động hàng ngày.

Các khối khác bao gồm: khối Môi giới, khối Tư vấn, khối Phân tích, khối Tự doanh, khối Hành chính, khối Nhân sự, khối Công nghệ thông tin và khối Pháp lý.



CÁC CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU 2021

Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh. PHS sẽ tiếp tục tăng thị phần trên thị trường đồng thời tập trung phát triển các sản phẩm phái sinh, tư vấn đầu tư, ký quỹ và giao dịch trực tuyến. Ngoài ra, các sản phẩm mới sẽ được phát triển liên tục để đa dạng hóa danh mục sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm khuyến nghị và tư vấn đầu tư, bên cạnh mở rộng và đa dạng hóa các báo cáo nhận định và phân tích cơ hội thị trường, phân tích cổ phiếu, phân tích sự luân chuyển dòng tiền và thanh khoản thị trường. Tăng nguồn dư nợ giao dịch ký quỹ và đa dạng hóa các sản phẩm tài chính, cung cấp đòn bẩy giao dịch cho khách hàng. Phát triển các công cụ giao dịch để hỗ trợ phát triển sản phẩm mới như chứng quyền.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

PHS hiểu được sự phát triển bền vững luôn phụ thuộc vào chất lượng của nhân viên kinh doanh. Năm 2019, PHS sẽ tiếp tục tập trung vào việc gia tăng tuyển dụng nhân viên kinh doanh mới để thu hút khách hàng mới, đồng thời cũng sẽ duy trì lực lượng nhân viên hiện tại. Song song đó, PHS cũng sẽ cập nhật các chính sách hoa hồng mới để khuyến khích những nhân viên tiềm năng và hiệu suất công việc cao.

Năm 2021, PHS đang nỗ lực tìm kiếm thêm nguồn nhân lực để phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức đồng thời hỗ trợ để giúp khách hàng tổ chức hiểu hơn về thị trường chứng khoán và cung cấp cho họ những dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp trong năm tới.

Tổ chức các cuộc gặp gỡ doanh nghiệp niêm yết theo yêu cầu của các Khách hàng Tổ chức, trong năm 2021, PHS sẽ chủ động triển khai những hoạt động gặp gỡ các doanh nghiệp niêm yết định kỳ hàng tháng theo những ngành nghề nổi bật như Tiêu dùng, Bất động sản, Khai khoáng, Dược, Hàng không, Nông nghiệp, Ngân hàng, v.v... và bên cạnh đó, các cuộc hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho Khách hàng Cá nhân tại các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trên toàn quốc cũng sẽ được triển khai trong năm 2021.

CÁC RỦI RO

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực, quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng; trong đó, tất cả các nhân viên đều hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi

RỦI RO THANH TOÁN

là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết

RỦI RO THANH KHOẢN

là rủi ro xảy ra khi PHS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và qui trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác

RỦI RO PHÁP LÝ

là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

KINH DOANH

Năm 2020 là một năm đáng nhớ đối với những người làm việc trong ngành tài chính hoặc đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Khi Covid-19 lần đầu tiên nổ ra, mọi người nghĩ rằng thị trường chứng khoán sẽ gặp vấn đề nghiêm trọng, tuy nhiên thực tế không thực sự như những gì chúng ta nghĩ. Vào cuối tháng 3, chỉ số VN-Index chạm mức đáy, mất 30% so với cuối năm 2019 và đóng cửa ở 662,26 điểm vào ngày 30/3/2020. Nhưng đến hết tháng 12/2020, VN-Index đã phục hồi 67% và đạt 1103.87 điểm. Nếu so sánh thời điểm cuối 2020 so với cuối 2019, VN-Index đạt mức tăng trưởng 15%. Điều quan trọng hơn là giá trị giao dịch của hai Sở giao dịch đến tháng 12/2020 đã vượt 59% so với tổng giá trị giao dịch của năm 2019. Tháng có giá trị giao dịch bình quân cao nhất của năm 2020 là tháng 12 với khoảng 14.127 tỷ đồng/ngày, cao hơn 156% so với thời điểm cao nhất trong năm ngoái là tháng 5/2019 với mức 5.508 tỷ đồng/ngày.

Trong 2020, giá trị giao dịch của PHS đạt hơn 40.157 tỷ đồng, doanh thu phí môi giới đạt 65.8 tỷ đồng, lần lượt tăng 33% và 31% so với năm 2019. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán bước vào giai đoạn cạnh tranh gay gắt về lãi suất cho vay nên thu nhập từ cho vay ký quỹ của Công ty trong 2020 chạm mức khoảng 105.7 tỷ đồng, giảm 14% so với năm trước. Cuối tháng 12/2020, thị phần của PHS đạt mức 76% so với mục tiêu đề ra trong năm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

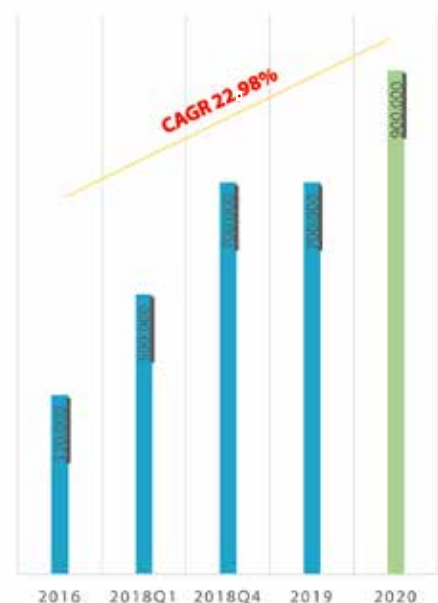
Trong bốn năm gần nhất, lợi nhuận hoạt động của Công ty đều biến đổi theo chiều hướng tích cực. Kết quả lợi nhuận hoạt động đạt mức cực đại vào năm 2020 với khoảng 65 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của PHS tại 2020 đã đạt được kết quả khả quan với khoảng 52 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2019.

Doanh thu
↑ **7,2%**

Thu nhập ròng
↑ **11,2%**

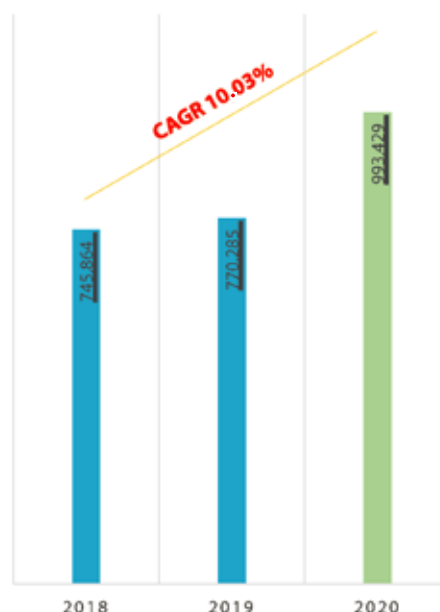
VỐN ĐIỀU LỆ

Unit: VND Mn.



TĂNG TRƯỞNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Unit: VND Mn.





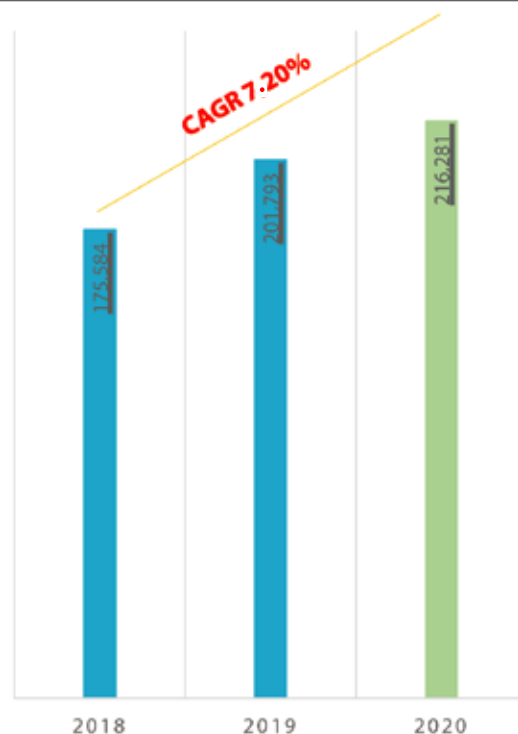
TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN

Unit: VND Mn.



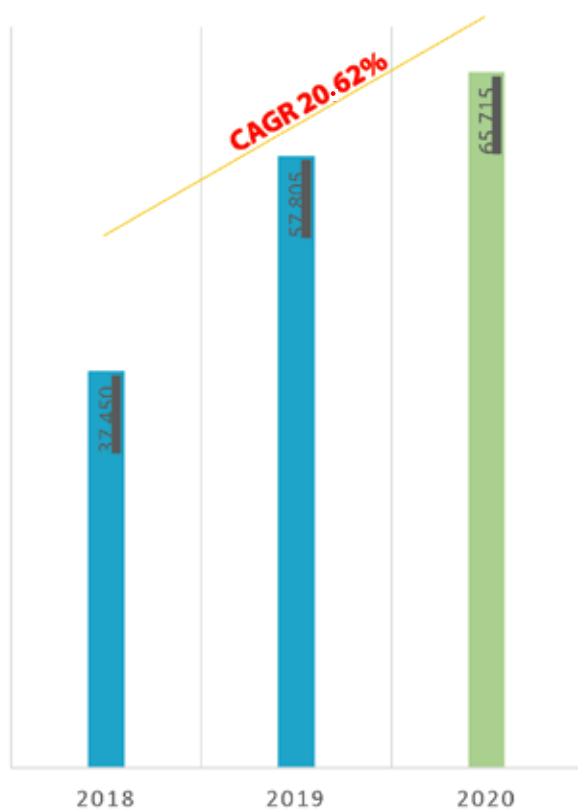
DOANH THU

Unit: VND Mn.



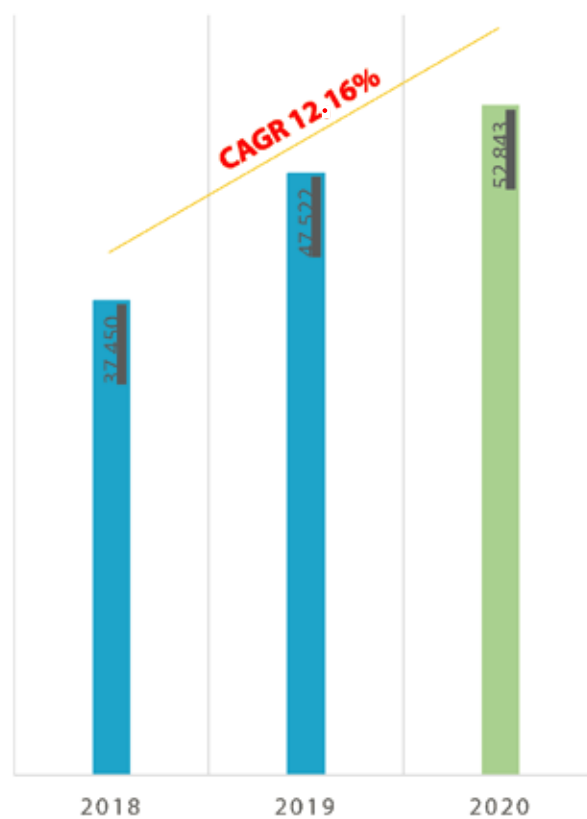
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Unit: VND Mn.



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Unit: VND Mn.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong bốn năm gần nhất, lợi nhuận hoạt động của Công ty đều biến đổi theo chiều hướng tích cực. Kết quả lợi nhuận hoạt động đạt mức cực đại vào năm 2020 với khoảng 65 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của PHS tại 2020 đã đạt được kết quả khả quan với khoảng 52 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2019.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

a) Hoạt động môi giới chứng khoán

Trái ngược với những dự đoán ban đầu khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, thị trường chứng khoán của thế giới và Việt Nam đã có sự bùng nổ mạnh mẽ. Giá trị giao dịch và doanh thu nghiệp vụ môi giới của Công ty đã đạt mức tăng trưởng tích cực hai chữ số trong năm 2020. Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới đóng góp khoảng 30% trong tổng doanh thu của PHS. Thông qua việc tiếp cận thành công với những khách hàng tiềm năng, dư nợ cho vay ký quỹ của PHS vào cuối 2020 đã có sự tăng trưởng mạnh 26% so với 2019 và đóng góp khoảng 48% vào doanh thu của toàn Công ty.

b) Hoạt động tự doanh

Với việc bám sát chuyển động thị trường hiệu quả và quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ, khối Tự doanh đã đạt được tỷ suất sinh lời 31,7% trong năm 2020. Bên cạnh đó, cùng với việc điều chỉnh chiến lược phát triển của công ty, khối Tự doanh nhận được nhiều hỗ trợ chuyên nghiệp hơn từ nhóm Phân tích. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư cao hơn trong tương lai.

c) Hoạt động tư vấn và phân tích

Nhằm mục đích đóng góp cho trao đổi kinh nghiệm trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) của Việt Nam và nước ngoài, góp phần giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài hiểu thêm về TTCK Việt Nam, Chứng khoán Phú Hưng cung cấp hệ thống giao dịch, dịch vụ tư vấn và toàn bộ báo cáo nghiên cứu, bao gồm báo cáo ngày, báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo phân tích chứng khoán cá nhân, báo cáo ngành và báo cáo phân tích kinh tế vĩ mô bằng ba ngôn ngữ: tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn bị rào cản ngôn ngữ và có nhiều cơ hội hơn để tham gia vào sự phát triển kinh tế Việt Nam. Ngoài ra, các dịch vụ tư vấn liên quan đến niêm yết, phát hành, cổ phần hóa, mua bán và sáp nhập cũng như các dịch vụ tư vấn bảo lãnh phát hành có thể đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách hàng tổ chức.

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CHI NHÁNH

Năm 2020, Công ty khai trương chi nhánh mới tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Không chỉ gia tăng số lượng tổng cộng lên 7 chi nhánh, phòng giao dịch mà còn nâng cao chất lượng nhân viên thông qua việc tuyển dụng cũng như đào tạo.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch đã mang lại hiệu quả cao, từng bước khẳng định sự phát triển bền vững.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ: Thạc sĩ

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

Bà Phạm Thị Thu Nhân

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1984

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần

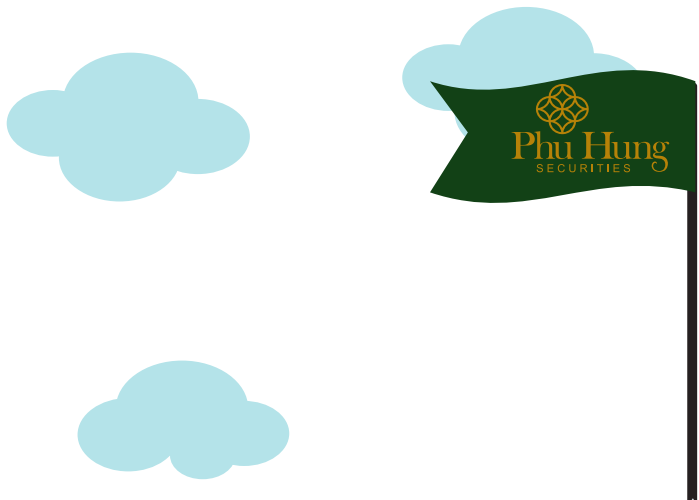
Bà Đỗ Thị Ái Vy

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1986

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần



Phu Hưng
SECURITIES

SỐ LƯỢNG, CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2020: 236 người.
 - ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 40.847.532.000 Việt Nam đồng (bốn mươi tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn Việt Nam đồng).
 - ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 16.300.000 Việt Nam đồng (mười sáu triệu ba trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.
- PHS thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và các quy chế, chính sách của Công ty đối với người lao động. Các chính sách: tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo. PHS sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi nhằm động viên khuyến khích người lao động tăng cường hiệu quả công việc, gắn bó với doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN: KHÔNG CÓ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: KHÔNG CÓ

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.676.833.891.148	2.135.100.235.050	27,3%
Doanh thu	201.777.699.902	216.257.795.278	7,2%
Thuế và các khoản còn phải nộp	4.876.090.886	7.809.489.765	60,2%
Lợi nhuận trước thuế	57.805.349.223	65.715.361.882	13,7%
Lợi nhuận sau thuế	47.521.553.006	52.843.302.851	11,2%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,82	1,82	
- Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	1,82	1,82	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,54	0,53	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,18	1,15	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,12	0,10	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,24	0,24	
	0,06	0,05	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH PHI NGÂN HÀNG

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
- Vốn điều lệ	700.000.000.000	900.000.000.000	
- Tổng tài sản có	1.676.833.891.148	2.135.100.235.050	
- Tỷ lệ an toàn vốn	852%	863%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
- Doanh số huy động tiền gửi	-	-	
- Doanh số cho vay	18.550.391.283.325	20.268.604.648.707	
- Doanh số thu nợ	18.573.053.535.583	19.894.994.656.244	
- Nợ quá hạn	21.011.664.992	20.921.225.994	
- Nợ khó đòi	6.209.462.344	6.837.025.917	
Hệ số sử dụng vốn	3,82	4,59	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	-	-	
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	0,018	0,014	
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	0,005	0,004	
3. Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,82	1,82	
- Khả năng thanh toán chung Tài sản ngắn hạn / Nợ phải trả	1,82	1,82	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đến 31/12/2020 là 90.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 70.000.000 cổ phiếu.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 20.000.000 cổ phiếu.

Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) có 5 cổ đông.

Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) có 250 cổ đông.

Cổ đông là tổ chức có 12 cổ đông.

Cổ đông là cá nhân có 243 cổ đông.

Cổ đông trong nước có 241 cổ đông.

Cổ đông nước ngoài có 14 cổ đông.

Cổ đông Nhà nước không có.

Cổ đông khác có 1 cổ đông – PHS (cổ phiếu quỹ).

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 04/03/2020, PHS thực hiện tăng vốn cổ phần thông qua chào bán chứng khoán riêng lẻ 20.000.000 cổ phiếu.

Ngày 23/06/2020, PHS chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 3.3%/ cổ phiếu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 490 cổ phiếu, trong năm 2020 PHS không giao dịch cổ phiếu quỹ.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Năm 2020, PHS không phát hành chứng khoán.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TIÊU THỤ NƯỚC

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- ❖ Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2020: 236 người.
- ❖ Tổng chi phí cho người lao động (tiền lương): khoảng 40.847.532.000 Việt Nam đồng (bốn mươi tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn Việt Nam đồng).
- ❖ Thu nhập bình quân: khoảng 16.300.000 Việt Nam đồng (mười sáu triệu ba trăm ngàn Việt Nam đồng)/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- ❖ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2020: 221.814.400 Việt Nam đồng (hai trăm hai mươi một triệu tám trăm mười bốn ngàn bốn trăm Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 3 năm trong năm 2020: 312.309.000 Việt Nam đồng (ba trăm mười hai triệu ba trăm lẻ chín ngàn Việt Nam đồng).
- ❖ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2020: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ❖ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2020: khoảng 5.000.000 Việt Nam đồng (năm triệu Việt Nam đồng)/ người.

Hoạt động đào tạo người lao động

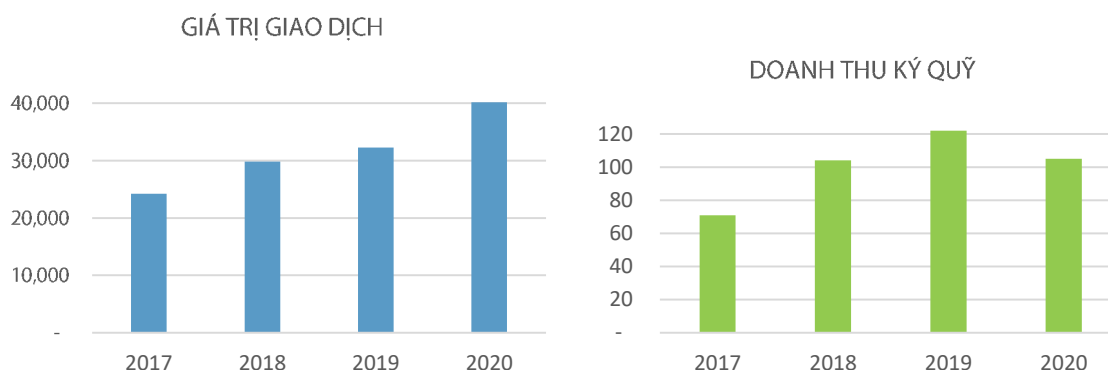
- ❖ Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo nội bộ và thuê ngoài về nghiệp vụ và sản phẩm nhằm hỗ trợ cho nhân viên cập nhật tính năng của dịch vụ và sản phẩm của công ty.
- ❖ Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nghiêm trọng và phức tạp, công ty đã chọn hình thức tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm trực tuyến để giúp nhân viên nâng cao tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc.
 - Năng lực lãnh đạo
 - Khả năng lãnh đạo để phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ thử thách
 - 30 bí quyết quản lý thời gian hiệu quả
 - Kỹ năng giao tiếp nơi công sở
 - Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng
 - Làm chủ cảm xúc trong mọi hoàn cảnh
 - Tạo động lực cho nhân viên
- ❖ Nội dung đào tạo gồm nâng cao kỹ năng mềm, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kiến thức về sản phẩm và dịch vụ, đào tạo nội quy lao động, quy chế Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH **MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN**



Trong 2019, tỷ trọng từ doanh thu phí môi giới và doanh thu lãi vay ký quỹ đóng góp lần lượt khoảng 26% và 63% trong tổng thu nhập của Công ty. Tỷ lệ này trong 2020 là 31% và 50%. So với năm 2019, thu nhập lãi cho vay ký quỹ năm 2020 giảm khoảng 14%. Có hai lý do chính ảnh hưởng đến việc giảm doanh thu lãi vay của PHS. Thứ nhất, để khắc phục Covid-19, Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chính sách giảm lãi suất và một phần ảnh hưởng đến lãi vay ký quỹ trên thị trường chứng khoán. Thứ hai, nhiều công ty chứng khoán nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam với lãi suất cho vay ký quỹ rất cạnh tranh và tạo áp lực lớn cho PHS.

Tuy nhiên, với nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt đạt 65.7 tỷ đồng và 52.8 tỷ đồng, tăng 14% và 11% so với 2019.

Năm nay PHS đã mở rộng thêm một lĩnh vực kinh doanh mới là kinh doanh trái phiếu. Trong nửa năm đầu, Công ty nằm trong top 3 thị phần môi giới trái phiếu của HSX. Trong năm tới Công ty sẽ duy trì và phát triển mảng kinh doanh này để nâng cao thu nhập và cũng nhằm mục đích quảng bá thương hiệu PHS hướng đến cả khách hàng và nhân viên tiềm năng.

Trong quý 3 năm 2020, sau nửa năm điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, PHS ra mắt phiên bản mới của hệ thống giao dịch ứng dụng di động. Phần mềm này có thể được sử dụng trên cả điện thoại di động và máy tính bảng chạy iOS hoặc Android. Nó đáp ứng nhu cầu của mọi người về một kênh thuận tiện để giao dịch chứng khoán mà không cần ngồi trước máy tính. Và tại ngay tháng đầu tiên, Công ty cũng bất ngờ với một số lượng lớn lệnh đặt qua ứng dụng di động. Sau một thời gian nâng cấp, phiên bản cập nhật tiếp theo của PHS-Mobile Trading đã ra mắt vào cuối 2020 kèm theo nhiều điều chỉnh để nâng cao trải nghiệm cho nhà đầu tư.

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Đầu năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đà tăng với việc chỉ số VN-Index dao động quanh biên độ 970-990 điểm. Đáng tiếc, xu hướng đảo chiều giảm đã xuất hiện vào cuối tháng một khi đại dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát. Số ca nhiễm và chết vì Covid-19 ngày càng gia tăng đã phủ bóng đen lên triển vọng của thị trường chứng khoán toàn cầu. Áp lực bán càng dâng cao hơn khi công tác phòng chống đại dịch tỏ ra kém hiệu quả trên toàn thế giới. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng chịu áp lực lớn từ đại dịch, khiến cho chỉ số VN-Index sụt giảm mạnh và quay trở lại kiểm tra 650-657 điểm, với mức biến động lớn chưa từng thấy trước đây.

Tuy nhiên, nhờ các biện pháp phòng chống đại dịch thành công của Chính phủ Việt Nam, hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước đã dần nhanh chóng trở lại bình thường vào tháng 4 năm 2020. Trong khi đó, phần lớn các nước khác trên thế giới vẫn áp dụng biện pháp hạn chế hoặc đóng cửa nền kinh tế. Với niềm tin về hiệu quả phòng chống dịch trong nước, dòng tiền đã của nhà đầu tư đã chảy mạnh vào thị trường, đặc biệt là số lượng tài khoản mở mới tăng lên rất nhiều. Điều này đã thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục mạnh mẽ trong tháng tư và tiếp tục đà tăng cho đến hết năm. Tính đến ngày 31 tháng 12, chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,103.8 điểm (+14,9%).

Việc bám sát chuyển động của thị trường, cùng với phân tích các mã cổ phiếu đầu ngành một cách hiệu quả, danh mục đầu tư trong năm 2020 đã có được kết quả vượt trội. Danh mục đầu tư chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu đầu ngành có kết quả kinh doanh tốt và có câu chuyện riêng trên thị trường. Hiện tại, danh sách cổ phiếu đầu tư được theo dõi, cập nhật và điều chỉnh cùng với những tín hiệu từ kỹ thuật và cơ bản. Kết thúc ngày 31/12/2020, tỷ suất sinh lời của danh mục đầu tư đạt được 31,7%, so với mức tăng 14,9% của chỉ số VN-Index.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Năm 2020, trước tác động của đại dịch Covid-19, hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam phải tạm dừng hoặc điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của Khối Tư vấn cũng phần nào bị ảnh hưởng. Các dịch vụ trọng yếu như phát hành cổ phiếu cũng như tư vấn niêm yết tạm thời bị hoãn lại. Mục tiêu doanh thu của năm 2020 vì thế đã không đạt được như mong đợi. Mặc dù hoạt động Tư vấn bị đình trệ do đại dịch Covid-19, PHS đã tận dụng cơ hội này để tăng cường kết nối với các công ty niêm yết và đại chúng nhằm tìm kiếm thêm nhu cầu niêm yết và phát hành thêm cổ phiếu. Đồng thời, bằng việc cung cấp nhiều dịch vụ cho khách hàng mới, đội ngũ tư vấn đã tích lũy thêm kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu, có thể đáp ứng việc tư vấn cho các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó hoàn thành các thương vụ một cách chuyên nghiệp hơn. Chúng tôi hy vọng những nỗ lực của chúng tôi có thể được thị trường nhìn nhận và tăng mức nhận biết thương hiệu của PHS.

Năm 2021, Khối Tư vấn sẽ tiếp tục nỗ lực để hoàn thành những hợp đồng đã ký kết trong năm 2020 và đầu năm 2021. Đồng thời, sẽ tập trung vào các dự án có khả năng thực hiện nhanh để đẩy mạnh doanh thu tư vấn cho PHS. Tuy nhiên, 2021 cũng là năm mà Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp cùng với một loạt các Nghị định và Thông tư mới sẽ được ban hành và có hiệu lực. Những thay đổi mới trong việc quản lý thị trường chứng khoán sẽ là thách thức cho PHS và các khách hàng của Công ty. Việc chào bán và phát hành chứng khoán cũng như việc niêm yết trên thị trường chứng khoán có thể sẽ khó khăn hơn bởi các quy định mới này có cơ chế quản lý chặt chẽ hơn. PHS sẽ tập trung nâng cao năng lực tư vấn để thực hiện các thương vụ tư vấn phát hành cổ phiếu và tư vấn M&A. Đặc biệt, Công ty vẫn sẽ duy trì chiến lược kinh doanh chính trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói cho các khách hàng quan trọng, điển hình là các dịch vụ tư vấn gắn với nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam. Để thực hiện hóa các mục tiêu trên, đội ngũ tư vấn sẽ tăng cường hợp tác với Khối Môi giới khách hàng tổ chức và Khối Tự doanh nhằm mở rộng các mối quan hệ trong nước và quốc tế. Việc bồi dưỡng kinh nghiệm tư vấn và cải thiện chất lượng dịch vụ là những yếu tố mà PHS sẽ luôn chú trọng trong năm 2021 để gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng trong tương lai. Chúng tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng với sự chuyên nghiệp và kinh nghiệm của mình sẽ giúp nhiều khách hàng hoàn thành mục tiêu kinh doanh và tiếp tục tạo dựng thương hiệu uy tín trong ngành.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Cuối năm 2020 tổng tài sản công ty đang quản lý là 2.135.100.235.050 đồng tăng 458.266.343.902 đồng (27,3%) so với đầu năm. Trong đó tài sản ngắn hạn là 2.077.677.150.112 đồng chiếm 97,3% trong tổng tài sản (đầu năm chiếm 98,5%). Tài sản dài hạn là 57.423.084.938 đồng chiếm 2,7% trên tổng tài sản (đầu năm chiếm 1,5%). Tỷ trọng tài sản ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2020 so với đầu năm không thay đổi nhiều nhưng tổng tài sản tăng do hoạt động kinh doanh của công ty tăng lên. Hiệu suất sử dụng tài sản là 0,1.

Nợ xấu phải thu cuối năm 2020 là 6.837.025.917 chiếm 0,3% trên tổng tài sản.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Cuối năm 2020, khoản nợ phải trả của công ty là 1.141.671.321.227 đồng và không có nợ quá hạn. Trong đó nợ phải trả cho tổ chức nước ngoài là 614.535.000.000 đồng chiếm 54% của tổng nợ phải trả vì vậy sẽ ảnh hưởng đến chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả và chi phí lãi vay.



THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN

Tính đến thời điểm 31/12/2020, số dư các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

	31/12/2017	31/12/2018	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2019	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2020
Cho vay	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116
Ngắn hạn	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116
Dài hạn	0	0	0	0
Tổng cộng	708,217	1,175,168	1,152,506	1,526,116

CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

Số dư các khoản thuế phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2017	31/12/2018	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2019	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	2	5	3	3
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3,249	4,084
Thuế thu nhập cá nhân	1,368	1,275	1,608	3,694
Thuế nhà thầu	0	-	16	28
Tổng cộng	1,371	1,280	4,876	7,809

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ HIỆN NAY

A. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu	31/12/2017	31/12/2018	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2019	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2020
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	15,979	32,398	20,294	21,522
Trả trước cho người bán	434	1,151	906	1,147
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	25,888	15,727	14,855	1,586
Phải thu khác	12,802	12,936	12,909	12,927
Dự phòng các khoản phải thu	(9,470)	(9,290)	(9,326)	(9,186)
Tổng cộng	45,633	52,922	39,637	27,996

B. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả	31/12/2017	31/12/2018	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2019	Đơn vị: triệu đồng 31/12/2020
Nợ phải trả ngắn hạn	644,152,3483	766,188	906,211	1,140,360
Nợ phải trả dài hạn	340,4375	365	337	1,312
Tổng cộng	644,493	766,552	906,548	1,141,671

TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2017, 2018, 2019

Chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng 31/12/2017	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng 31/12/2018	Đơn vị: triệu đồng Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng 31/12/2019	Đơn vị: triệu đồng Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng 31/12/2020
Tổng giá trị rủi ro thị trường	510	275	405	13,886
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	28,474	34,389	28,599	45,990
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60,000	60,000	60,000	50,000
Tổng giá trị rủi ro	88,985	94,664	89,004	109,876
Vốn khả dụng	504,606	740,875	758,447	948,638
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	567%	783%	852%	863%

Theo quy định tại thông tư Thông tư số 87/2017/TT-BTC

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài Chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%.

PHS luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

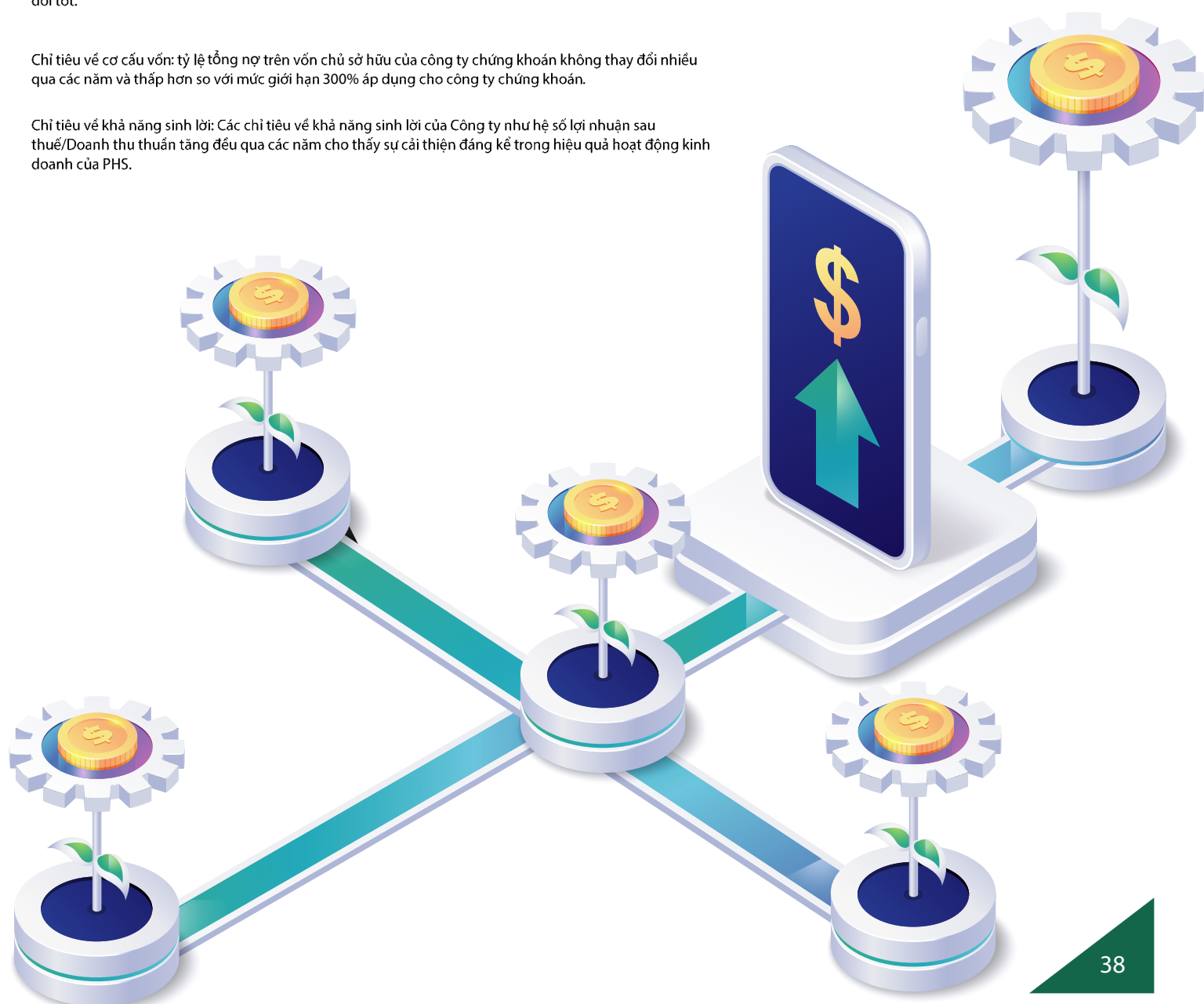
Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1.77	1.95	1.82	1.82
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	56%	51%	54%	53%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	127%	103%	118%	115%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	%	11%	12%	12%	10%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	13%	21%	24%	24%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4%	6%	6%	5%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2%	3%	3%	2%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	537	729	679	603

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn của PHS qua các năm đều lớn hơn 1 cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không thay đổi nhiều qua các năm và thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng đều qua các năm cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của PHS.

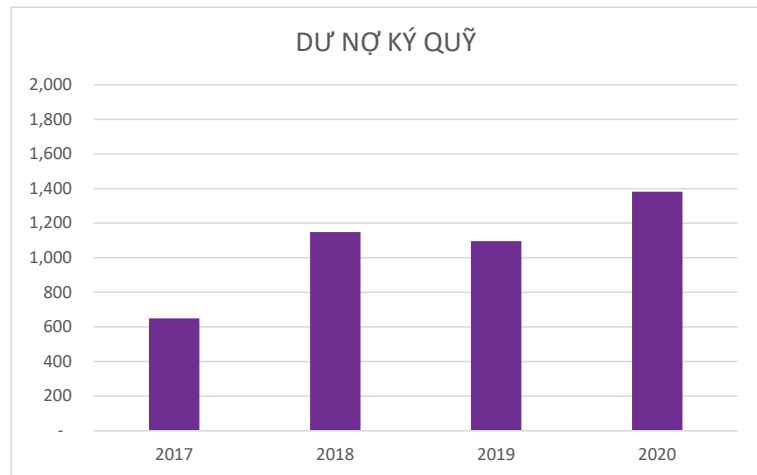
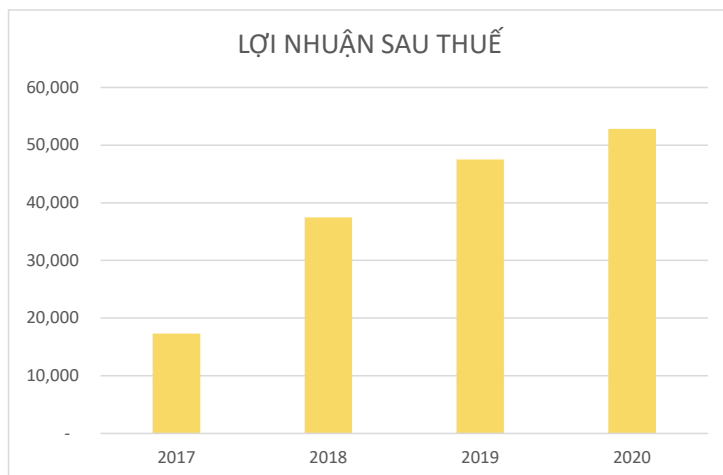
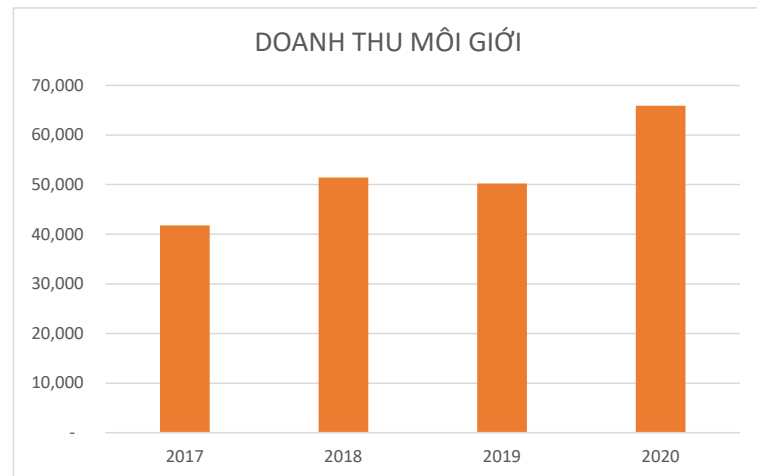
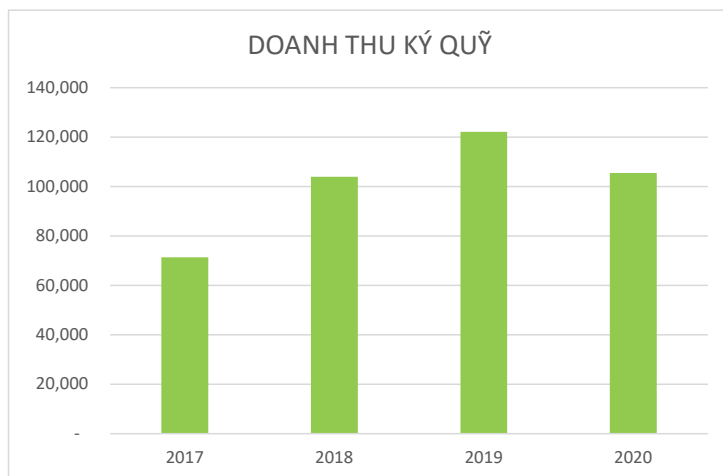


NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giản, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- Về công nghệ, sản phẩm và dịch vụ: Công ty luôn chú trọng nâng cấp hệ thống, cải tiến sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng. Cụ thể trong năm 2020, Công ty đã triển khai các ứng dụng trên nền tảng Mobile để thuận tiện cho khách hàng và sản phẩm phái sinh để đa dạng sản phẩm nhằm giữ chân và thu hút thêm khách hàng về giao dịch tại Công ty.
- Về chính sách: luôn cập nhật những thay đổi để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI



Nghị quyết môi giới chứng khoán vẫn duy trì vị trí quan trọng trong cơ cấu doanh thu của PHS trong thời gian tới. Để xây dựng đội ngũ môi giới chất lượng, bên cạnh việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm thì quá trình ương mầm những hạt giống cho tương lai cũng vô cùng quan trọng. Khối Môi giới sẽ phối hợp chặt chẽ với Khối Nhân sự để tăng cường hoạt động tuyển dụng trong 2021. Công ty sẽ mở rộng hợp tác với nhiều trường đại học ở cả miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Thông qua các buổi gặp gỡ sinh viên hoặc chương trình thực tập, Công ty sẽ có cơ hội lựa chọn được những ứng viên tiềm năng và phù hợp để làm hạt giống cho Công ty trong tương lai. Với kế hoạch đầu tư đào tạo, xây dựng sản phẩm, chính sách mới, nâng cấp chất lượng dịch vụ vào năm 2021, Bộ phận Nhân sự và đội ngũ khối kinh doanh sẽ có thêm cơ hội tuyển dụng thành công.

Sau nhiều năm chuẩn bị, hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh mới của PHS dự kiến sẽ được ra mắt vào đầu năm 2021. Đây sẽ là một bước nữa để đa dạng hóa thu nhập của Công ty và để duy trì khách hàng hiện tại của Công ty. Bên cạnh đó, đội ngũ khối kinh doanh sẽ tiếp cận với khách hàng tiềm năng sẽ thuận lợi hơn khi PHS được cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh. Năm 2021 PHS sẽ triển khai một số sản phẩm mới và tạo chính sách cho khách hàng VIP để trải nghiệm cảm giác khác biệt và nâng cao giao dịch tại PHS.

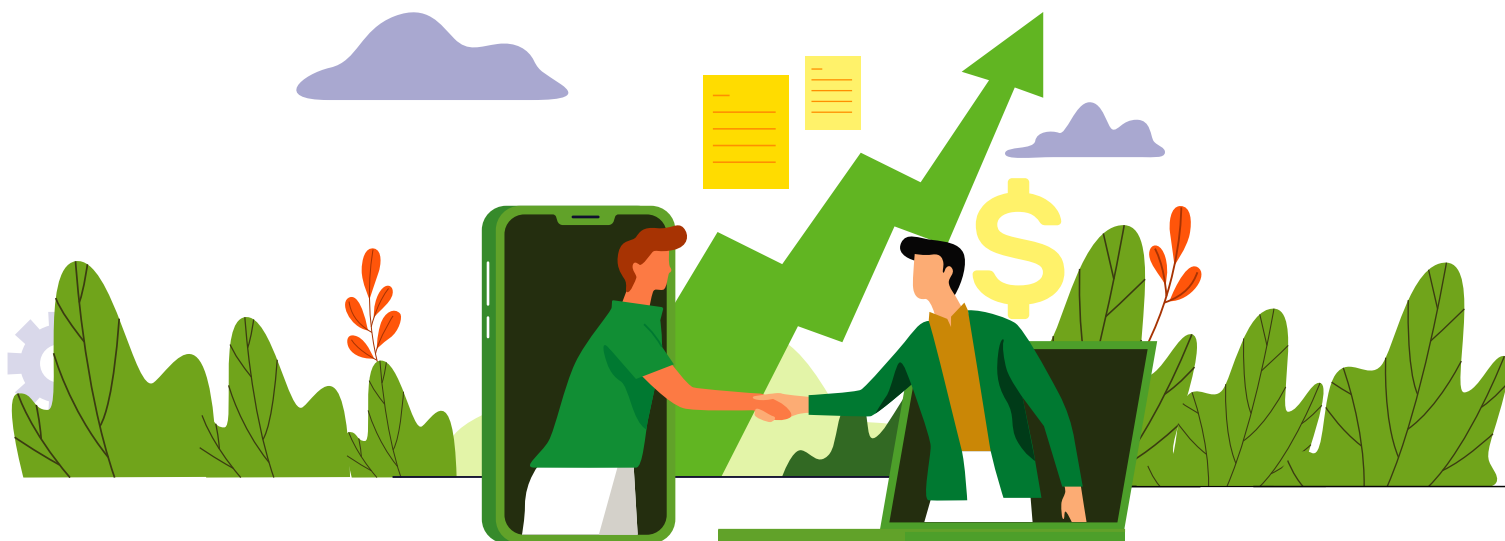
TỰ DOANH

Trong năm 2021, chúng tôi kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong điểm đầu tư hấp dẫn nhất ở khu vực châu Á nhờ tốc độ tăng trưởng bền vững và nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định. Việt Nam vẫn đang thu hút một lượng lớn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và trở thành nước hưởng lợi lớn từ việc rút vốn đầu tư khỏi Trung Quốc. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục chảy vào Việt Nam, giúp ổn định tiền đồng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Sau khi tăng trưởng chậm lại vào năm 2020, dự kiến nền kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh trở lại vào năm sau. Theo dự báo được công bố vào tháng 9 năm 2020 của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng 6,3% trong năm 2021. Bên cạnh đó, dự báo tốc độ sụt giảm của nền kinh tế toàn cầu sẽ thu hẹp lại từ 4.9% còn 4.4% trong năm 2021, theo báo cáo được công bố vào tháng 10 năm 2020 của Tổ chức Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF). Sự cải thiện này được hỗ trợ từ sự hồi phục mạnh hơn kỳ vọng của nền kinh tế Mỹ và châu Âu, sau khi lệnh đóng cửa của các nền kinh tế lớn dần được gỡ bỏ. Với kỳ vọng tăng trưởng mạnh của nền kinh tế trong nước và sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu trong năm 2021, chúng tôi dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam có cơ hội duy trì xu hướng hồi phục và dao động trong biên độ 960 -1,100 trong năm 2021.

Căn cứ vào kết quả giao dịch vượt trội, năm 2021 chính là thời điểm thích hợp để gia tăng hạn mức đầu tư cho khối Tự doanh. Trong ba năm qua, đội ngũ nhân viên Tự doanh đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm giá trị trong hoạt động giao dịch và xây dựng các qui tắc nghiêm ngặt trong việc quản lý danh mục đầu tư.

Trong khi đó, cùng với việc điều chỉnh chiến lược phát triển của công ty, dự kiến trong năm 2021 khối Tự doanh sẽ sẽ phối hợp chặt chẽ hơn với đội ngũ Phân tích trong hoạt động đầu tư. Với sự quan sát toàn diện và kịp thời về mặt phân tích cơ bản và kỹ thuật, chúng tôi tin rằng khối Tự doanh sẽ tìm kiếm được các cơ hội đầu tư có giá trị hơn, cũng như hiệu suất đầu tư cao hơn trong tương lai.

Nhìn chung, Khối Tự doanh sẽ theo dõi sự chuyển động của thị trường và tích cực hơn trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán. Với việc hợp tác chặt chẽ với đội ngũ Phân tích trong việc phân tích cơ bản cũng như phân tích kỹ thuật, hoạt động đầu tư của khối Tự doanh sẽ chuyên nghiệp với kỳ vọng đạt được lợi nhuận tiềm năng, bên cạnh đó rủi ro cũng được kiểm soát chặt chẽ.



MARKETING

Trong nửa đầu năm 2020, để phù hợp với việc giãn cách xã hội, bảo vệ cả khách hàng cùng với nhân viên, Công ty đã tạm dừng các hoạt động marketing trực tiếp, chẳng hạn như hội thảo đầu tư hoặc hỗ trợ cơ quan quản lý tổ chức các buổi đào tạo tại các tỉnh lân cận. Thay vào đó, Công ty đã chuyển sang hình thức hội thảo đầu tư được phát sóng trực tuyến trên internet và nhận được nhiều phản hồi tích cực. Trong khi Covid-19 đang tạm thời được kiểm soát ở Việt Nam hiện nay, Công ty đang xúc tiến hội thảo đầu tư mới, tại cả Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đây là một cách thức truyền thống và hữu ích để chuyển tải dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp của PHS đến với khách hàng, đồng thời cũng là cơ hội để đội ngũ môi giới gặp gỡ khách hàng hiện tại và tiềm năng của họ. Trong quá trình chuẩn bị, Công ty vẫn có phương án dự phòng khi gặp diễn biến phức tạp của Covid-19.

Mạng internet và điện thoại di động đang trở nên ngày càng nên phổ biến hơn ở Việt Nam do vậy PHS sẽ tăng cường đầu tư nhiều tài nguyên hơn vào marketing kỹ thuật số trực tiếp để nâng cao hiệu quả và mức độ tương tác giữa khách hàng với Công ty. Vào ban đầu, Công ty sẽ tối ưu hóa hệ thống công nghệ thông tin hiện tại để thực hiện marketing trực tiếp, bao gồm email và SMS, đến cho khách hàng hiện tại. Khi thị trường chứng khoán bùng nổ, bên cạnh những nhà đầu tư mới mở tài khoản thì cơ sở dữ liệu khách hàng hiện nay sẽ là nguồn tiềm năng để kích hoạt và nâng cao doanh thu cho Công ty.

Trong năm nay, Công ty đã bắt đầu chuẩn bị phiên bản mới của hồ sơ doanh nghiệp và dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm. Thông qua các số liệu tích cực từ hoạt động kinh doanh trong những năm qua kèm theo một góc nhìn lạc quan về PHS, dự kiến vào năm 2021, đội ngũ Môi giới của Công ty sẽ có một hồ sơ doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn và chi tiết hữu ích để cung cấp cho khách hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO

PHS thừa nhận rằng rủi ro là một thành phần thiết yếu và không thể tránh khỏi trong hoạt động kinh doanh và cam kết quản lý rủi ro một cách chủ động, linh hoạt, hiệu quả, không thay đổi chính sách một cách đột ngột và hỗ trợ tốt cho hoạt động của Khối kinh doanh.

Năm 2020 thị trường chứng khoán có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 diễn ra trên toàn thế giới, PHS đã có các chiến lược quản lý rủi ro linh hoạt theo từng thời kỳ như thay đổi các tỷ lệ xử lý, hạ tỷ lệ vay, kiểm soát giá vay phù hợp với quy định của pháp luật và tính hình thị trường. Bên cạnh đó, Chiến lược quản lý rủi ro đã có sự thay đổi trong đó cơ cấu dư nợ chủ yếu được phân bổ cho các cổ phiếu vốn hóa lớn, cổ phiếu cơ bản tốt và khách hàng có uy tín. Các hoạt động quản lý rủi ro cụ thể là dịch vụ giao dịch ký quỹ đạt hiệu quả cao. Dựa vào kết quả đánh giá nợ xấu từ dịch vụ giao dịch ký quỹ, chúng ta có thể thấy rằng không có phát sinh bất kỳ khoản nợ xấu nào mới trong năm 2020. Khối Quản lý rủi ro đã hợp tác tốt với Khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và nhiều thay đổi trong chiến lược quản lý rủi ro cho thấy tính hiệu quả và linh hoạt với những thay đổi của thị trường. Đồng thời với việc sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin cũng hỗ trợ rất tốt cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro.

Với tình hình thị trường giao dịch chứng khoán đầy hứa hẹn vào năm 2021 khi mà dịch bệnh đang dần được kiểm soát tốt hơn và lộ trình nghiên cứu vắc xin sớm hoàn thành, Khối Quản lý rủi ro sẽ tiếp tục áp dụng các chính sách quản lý rủi ro tương tự như năm 2020, trong đó tập trung nhiều hơn vào các cổ phiếu cơ bản tốt để tăng tỷ trọng của cổ phiếu đó trong danh mục chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; hơn nữa, các chính sách cũng sẽ tập trung vào việc cải tiến quá trình đánh giá các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.

Thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam vận hành từ 10/2017 đến nay nên có thể xem là sản phẩm còn khá mới trên thị trường tài chính do vậy tiềm lực để phát triển và quy mô thị trường còn nhiều tiềm năng. Từ tháng 12/2020, PHS chính thức triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh, việc xây dựng các chiến lược quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán phái sinh cần được chủ động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các rủi ro chính được xác định bao gồm: rủi ro thị trường, đòn bẩy vốn, sức ép yêu cầu ký quỹ, pháp lý, thanh khoản và rủi ro hệ thống. Theo đó Khối Quản lý rủi ro đề ra bộ tiêu chí quản lý rủi ro liên tục và phù hợp với thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh trên thị trường giao dịch phái sinh.

Bên cạnh đó trong năm 2021, giảm thiểu rủi ro và hỗ trợ hoạt động kinh doanh là chiến lược quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro. Nhằm đảm bảo cho các chiến lược đó, Khối Quản lý rủi ro sẽ nỗ lực hợp tác với Khối Phân tích để có phân tích nâng cao về các công ty niêm yết đủ điều kiện giao dịch ký quỹ và tiếp tục sử dụng một số công cụ phân tích dữ liệu được phát triển bởi phòng phần mềm thuộc khối Công nghệ thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho khối Quản lý rủi ro trong việc thu thập dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả nhất để trình Hội đồng Quản lý rủi ro. Sau đó, chúng tôi tiếp tục áp dụng danh sách giao dịch ký quỹ đa dạng hơn với tỷ lệ cho vay khác nhau và hỗ trợ tốt hơn các hoạt động kinh doanh.

Trên hết, chính sách Quản lý rủi ro năm 2021 phải đảm bảo tính độc lập, linh hoạt, đồng nhất, hiệu quả và bền vững trong tăng trưởng kinh doanh.

QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tiếp theo, PHS tiếp tục tập trung vào xây dựng thể hệ chuyên viên tư vấn tài chính chuyên nghiệp và lực lượng nhân viên dẫn đầu về hiệu quả công việc, thúc đẩy thay đổi tác phong trong cách họ làm việc và phục vụ khách hàng (dịch vụ xuất sắc, công cụ dựa trên công nghệ, giao diện và cảm nhận) để có được các phân khúc khách hàng mới. Năm 2021 và những năm tiếp theo, PHS sẽ đa dạng hóa tất cả các kênh tuyển dụng để thu hút thêm các ứng viên đã và đang làm việc trong các ngành khác nhau nhằm đáp ứng chiến lược đổi mới của công ty. Bên cạnh đó, xây dựng thương hiệu tuyển dụng song song với hoạt động tuyển dụng nhằm nâng cao chất lượng ứng viên, giảm thiểu tỷ lệ nghỉ việc bằng cách thu hút nhân tài phù hợp, cải thiện văn hóa công ty, tăng sự gắn kết của nhân viên và truyền cảm hứng cho nhân viên hiện tại xuyên suốt cho sự phát triển của tổ chức.

Song hành cùng với chiến lược phát triển thể hệ chuyên viên tư vấn tài chính chuyên nghiệp dẫn đầu về hiệu quả và dịch vụ, Công ty luôn không ngừng đào tạo và đào tạo lại lực lượng nhân viên hiện có, xây dựng đội ngũ kế thừa xứng tầm. Trong năm 2020, mặc dù có nhiều yếu tố tác động đến nền kinh tế toàn cầu, nhưng Công ty vẫn không ngừng tổ chức các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn cho nhân viên để hỗ trợ cho công việc tốt hơn qua các hình thức đào tạo trực tiếp và trực tuyến. Các chương trình đào tạo nội bộ nâng cao nghiệp vụ của từng khối/ phòng ban luôn được duy trì thực hiện thường xuyên và đảm bảo cập nhật kịp thời. Bên cạnh đó, nhằm giúp nhân viên nâng tầm cung cấp dịch vụ, Công ty cũng đăng ký các chương trình đào tạo kỹ năng mềm trực tuyến được trình bày bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm và uy tín trên thị trường trong và ngoài nước cho các cấp nhân viên trong công ty với các khóa học như Khả năng lãnh đạo để phát triển mạnh trong thời gian thử thách, Kỹ năng giao tiếp nơi công sở, Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng, Bí quyết quản lý thời gian hiệu quả v.v. và hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học về sản phẩm mới của Thị trường chứng khoán như sản phẩm phái sinh và các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn để có chứng chỉ hành nghề như quy định. Dự kiến trong năm 2021 và những năm tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cho đào tạo để nâng cao nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết cho cả cấp quản lý và nhân viên để mở mang kiến thức cho nhân viên trong công ty. Khối Nhân sự sẽ tích cực tìm hiểu các khóa học phù hợp cho các cấp nhân viên và tiếp tục chuẩn hóa bộ đào tạo cho nhân viên mới.

Mặt khác, Công ty luôn cố gắng xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp và gắn kết nhưng không thiếu phần thân thiện, tập trung phát triển văn hóa doanh nghiệp, tăng cường việc tuân thủ kỷ luật và tiếp tục cải tiến các chính sách phúc lợi phù hợp nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về làm việc cho công ty. Trong năm 2020, tiếp nối với sự thành công trong việc xây dựng hệ thống đánh giá KPI trực tuyến với các tiêu chí đánh giá cụ thể và chi tiết hơn để đảm bảo tính chính xác, rõ ràng và công bằng trong đánh giá hiệu suất của nhân viên, Công ty đã tiếp tục xây dựng hệ thống đánh giá phản hồi 360 độ, được áp dụng trong việc đánh giá hiệu suất của các nhân viên tham gia hợp tác trong các dự án của Công ty dưới hình thức bảo mật và ẩn danh. Với các hệ thống đánh giá này, giúp cho nhân viên biết được hiệu suất làm việc của bản thân và kết quả đánh giá của các cấp để từ đó biết được những điểm cần phải cải tiến hơn nữa trong công việc. Bố trí đúng người, đúng việc nhằm khai thác tối đa khả năng sáng tạo của nhân viên và giúp nhân viên phát triển, nó cũng là một trong những mục tiêu của Công ty chúng tôi.

Khối Nhân sự sẽ tiếp tục phối hợp với các khối phòng ban trong Công ty xây dựng các chương trình thi đua, khen thưởng dựa trên thành tích làm việc, hợp tác để khuyến khích nhân viên nỗ lực hơn nữa để đạt được hoặc thậm chí đạt vượt mức chỉ tiêu và hiệu suất mong đợi.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

PHS là công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

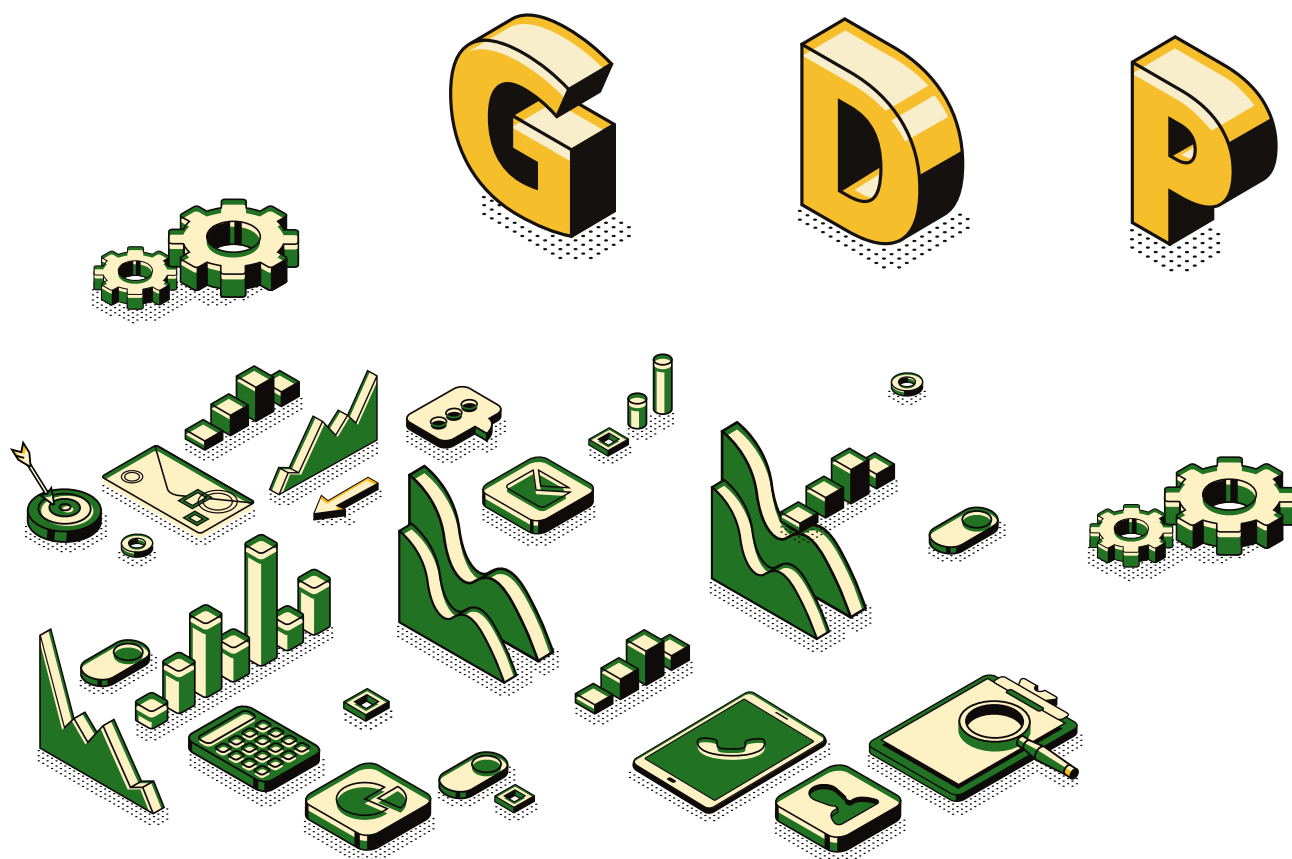
ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ✿ Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2020: 221.814.400 Việt Nam đồng (hai trăm hai mươi một triệu tám trăm mười bốn ngàn bốn trăm Việt Nam đồng).
- ✿ Tổng chi phí bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cho cấp giám sát trở lên và nhân viên có thâm niên từ đủ 3 năm trong năm 2020: 312.309.000 Việt Nam đồng (ba trăm mười hai triệu ba trăm lẻ chín ngàn Việt Nam đồng).
- ✿ Tổng chi phí bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động năm 2020: 126.000 Việt Nam đồng (một trăm hai mươi sáu ngàn Việt Nam đồng)/ người/ năm.
- ✿ Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2020: khoảng 5.000.000 Việt Nam đồng (năm triệu Việt Nam đồng)/ người.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

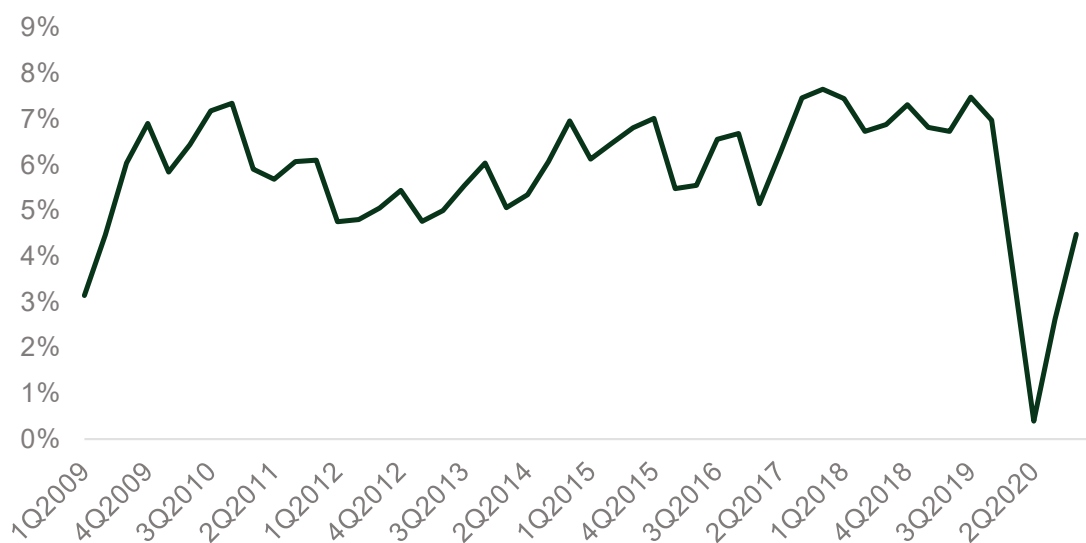
- ✿ Nhân viên Công ty đã hưởng ứng tích cực việc ủng hộ Quỹ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 Thành phố của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam với số tiền đóng góp là 43.963.250 Việt Nam đồng.
- ✿ Công ty tài trợ và toàn thể nhân viên tham gia chương trình đi bộ từ thiện Lawrence S.Ting được tổ chức hàng năm do Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng phối hợp UBND quận 7, quận 8, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè tổ chức từ năm 2006, với mục đích gây quỹ hỗ trợ đồng bào nghèo mỗi dịp xuân về.





2,91 %
still climbed to

Tăng trưởng GDP theo quý (%YoY)





IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2020

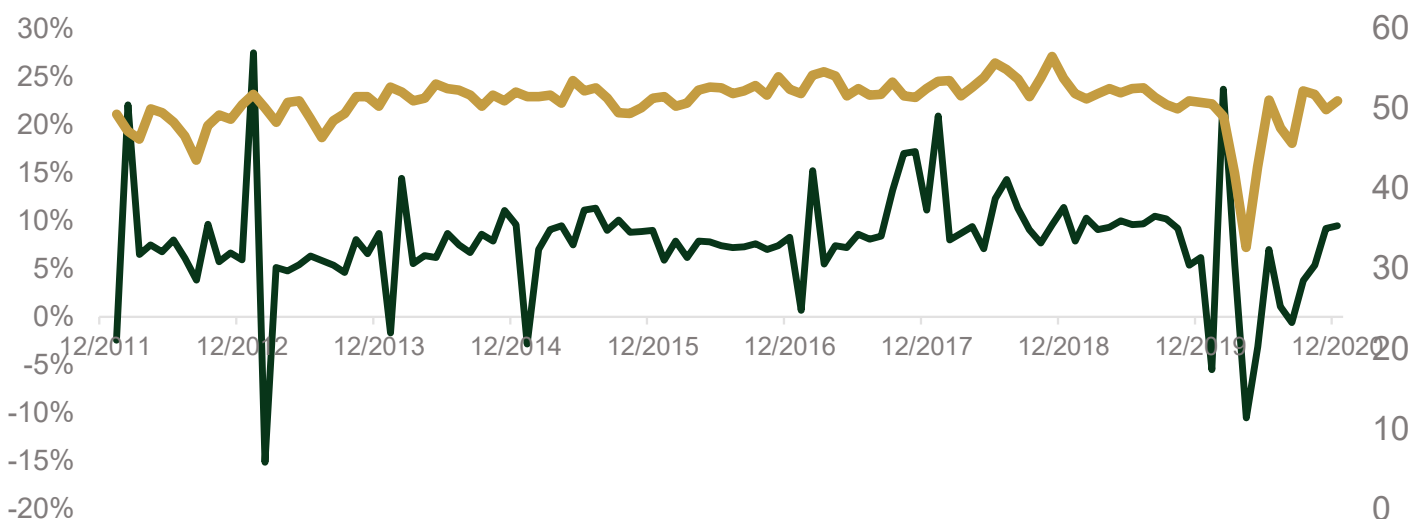
Năm 2020 ghi nhận sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu bởi tác động của đại dịch Covid-19. Kết thúc năm 2020, cả thế giới ghi nhận gần 84 triệu ca nhiễm và hơn 1,8 triệu người tử vong nhưng sự gia tăng số ca nhiễm mới vẫn còn tiếp diễn sang năm 2021. Các biện pháp đóng cửa nền kinh tế được thực hiện nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Theo ước tính của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng như Ngân hàng Thế giới (WB), tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2020 có thể giảm khoảng -4,4% so với năm 2019. Ngoại trừ Trung Quốc công bố tăng trưởng GDP dương (+2,3%) thì các nền kinh tế lớn khác trên thế giới đều suy giảm mạnh. Đặc biệt là Mỹ khi GDP của quốc gia này giảm mạnh nhất kể từ năm 1946 với -3,5%YoY.

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, Việt Nam đã trở thành điểm sáng của thế giới nhờ kiểm soát thành công đại dịch. Điều này cho phép nền kinh tế phục hồi nhanh chóng và đạt được mức tăng trưởng +2,91% cho cả năm 2020, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Tuy nhiên, không vì thế mà mục tiêu lạm phát bị lơ là. Nhờ các chính sách điều hành linh hoạt và chủ động của Ngân hàng Nhà nước cộng với yếu tố khách quan đến từ đà lao dốc của giá dầu thế giới đã giúp kiểm soát thành công lạm phát. CPI bình quân cả năm chỉ còn tăng 3,23%YoY, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% mà Chính phủ đề ra.

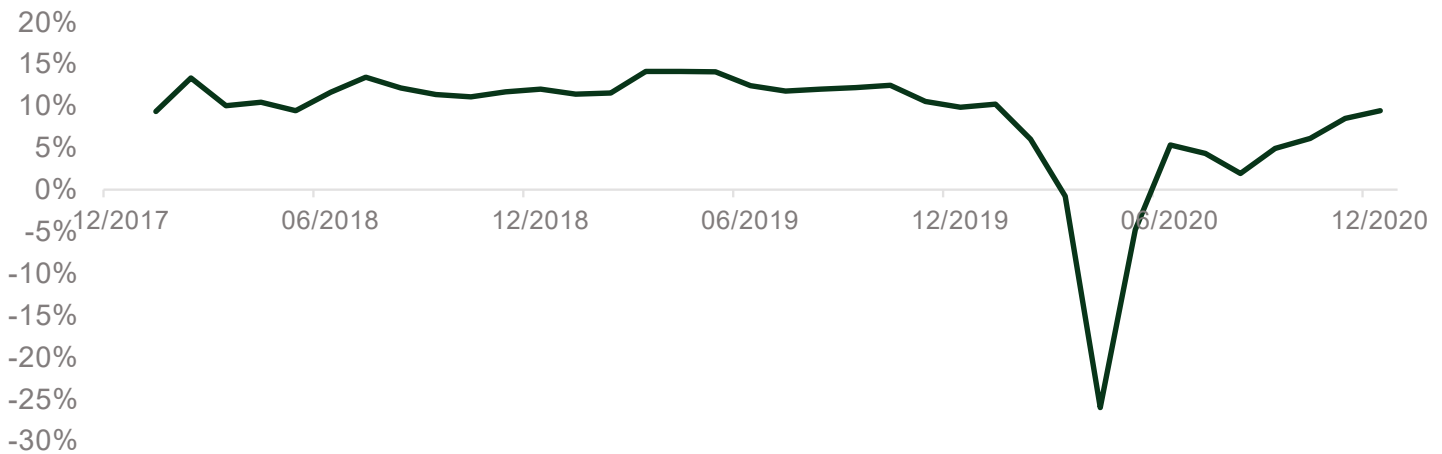
Trong khi lĩnh vực sản xuất và dịch vụ gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được thúc đẩy bởi giải ngân đầu tư công và duy trì kim ngạch xuất khẩu. Tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cả năm ước đạt 466,6 nghìn tỷ đồng (+34,5%YoY) hoàn thành 91% kế hoạch năm. Đây cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. Trong khi đó, dù chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn, hoạt động thương mại của Việt Nam vẫn khởi sắc, đặc biệt là xuất khẩu. Cán cân thương mại theo đó cũng đạt được mức thặng dư kỷ lục 19,1 tỷ USD với đóng góp chính từ mức tăng trưởng trong xuất khẩu của khu vực FDI.

Lĩnh vực Sản xuất

— IIP (%YoY)-L — PMI-R



Tăng trưởng doanh số bán lẻ (%YoY)



Năm 2020, thị trường chứng khoán trải qua một năm đầy sóng gió. Cùng với xu hướng chung của thị trường chứng khoán thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng đã giảm mạnh 30% kể từ thời điểm dịch bệnh bùng phát với sự tháo chạy của các quỹ đầu tư ngoại. Chỉ số VNIndex đã tạo đáy ở vùng 659 điểm vào ngày 24/3/2020 trước khi bước vào giai đoạn phục hồi mạnh mẽ ngay sau đó. Trong bối cảnh nhiều biện pháp hỗ trợ và kích thích tăng trưởng kinh tế được tung ra ở khắp mọi nơi trên toàn thế giới, Việt Nam cũng không ngoại lệ với gói hỗ trợ hơn 500 nghìn tỷ đồng và 3 lần hạ lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước trong năm 2020. Nhờ đó, “dòng tiền rẻ” dồi dào đã tìm đến và tiếp sức cho đà tăng thị trường chứng khoán, hấp thụ toàn bộ lượng bán ròng của khối ngoại. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán cũng ghi nhận mức cao kỷ lục của dư nợ cho vay ký quỹ, ước tính hơn 81 nghìn tỷ đồng vào thời điểm cuối Q4/2020 và chào đón dòng đảo nhà đầu tư mới trong nước gia nhập thị trường sau cú sụp đổ do sợ hãi trước sự tác động của COVID-19. Tổng số tài khoản cá nhân mở mới trong năm 2020 đạt hơn 392 nghìn tài khoản, gấp đôi so với năm ngoái. Trong khi đó, dù vẫn duy trì vị thế bán ròng, các quỹ đầu tư ngoại cũng cho thấy sự quan tâm đối với ETF nội được ra mắt trong năm qua khi liên tục rót vốn vào một số chứng chỉ quỹ mô phỏng bộ chỉ số mới như VN Diamond và VNFIN Lead. Kết thúc năm 2020, VN-Index đóng cửa ở mức 1,103.87 điểm, tăng 15% so với cuối năm 2019. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường chứng khoán ở 2 sàn HOSE và HNX cũng cải thiện đáng kể lên 6.938 tỷ đồng/ngày, tăng 60% so với trung bình năm 2019.

Quy mô của thị trường chứng khoán phái sinh cũng được mở rộng, đặc biệt trong giai đoạn lao dốc đã kích hoạt hàng trăm nghìn lệnh bán khống giúp nhà đầu tư phòng vệ rủi ro. Tính cả năm 2020, đã có 39,9 triệu hợp đồng được thực hiện, tương đương với trung bình khoảng 158 nghìn hợp đồng mỗi ngày, gần như gấp đôi số lượng hợp đồng giao dịch bình quân trong năm 2018 và 2019. Khối lượng hợp đồng mở (OI) vào thời điểm cuối tháng 12/2020 đạt 40.339 hợp đồng, tăng mạnh so với mức 16.625 hợp đồng thời điểm cuối năm 2019.



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020 là một năm đặc biệt đối với thị trường Chứng khoán, nhưng Công ty CP Chứng khoán Phú Hưng cũng đã có một năm kinh doanh thuận lợi và kỳ vọng giữ được đà tăng trưởng này trong năm tới. Lợi nhuận sau thuế của PHS đạt 52,8 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch của năm Tài chính 2020 được thông qua vào kỳ Đại hội đồng cổ đông năm vừa rồi. Đây là kết quả lợi nhuận cao nhất của Công ty kể từ khi thành lập đến nay.

NHỮNG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC TRONG NĂM 2020

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã chào mừng một kỷ nguyên kinh doanh mới sau khi hợp nhất thành công với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành vào đầu năm 2016. Sự hợp nhất chiến lược này đã góp phần nâng cao năng lực của Công ty ở khu vực phía Bắc và củng cố thêm sức mạnh về định hướng phát triển mạng lưới rộng khắp đất nước. Sau nhiều năm nỗ lực, Công ty đã giành được đà tăng trưởng mạnh mẽ và có nhiều tín hiệu đáng mừng cho sự phát triển trong tương lai. Vào ngày 04/03/2020, Công ty đã nhận được Giấy phép Điều chỉnh Số 12/GPĐC-UBCK bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận về việc thay đổi Vốn điều lệ của Công ty lên đến 900 tỷ đồng. Ngày 16/06/2020, Công ty nhận được Giấy phép Số 03/GCN-UBCK bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, chấp thuận về việc hoạt động kinh doanh Chứng khoán Phái sinh của Công ty. Năm 2021, Công ty mong muốn chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh.

Các dự án thành công đòi hỏi phải lập kế hoạch cẩn thận, giao tiếp và quản lý nhiều loại sản phẩm, dịch vụ và các bên liên quan. PHS tin rằng chìa khóa để chuyển đổi là hiện đại hóa các ứng dụng của chúng tôi, tái cấu trúc cơ sở hạ tầng của chúng hoặc tối ưu hóa hoạt động của chúng để bắt kịp với tốc độ kinh doanh ngày nay. Năm 2021, PHS sẽ đưa công nghệ mới vào hệ thống quản lý nội bộ, hệ thống giao dịch để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÓNG GÓP XÂY DỰNG THỊ TRƯỜNG

Là một trong các công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam, chúng tôi có trách nhiệm góp phần xây dựng thị trường vốn không ngừng nghỉ, đặc biệt là trong việc thúc đẩy sự minh bạch, liêm chính và khơi nguồn sự đổi mới. Chúng tôi luôn chủ động tham gia vào các hoạt động thị trường và trong ngành. PHS thường xuyên tổ chức kết nối giữa các doanh nghiệp tài chính cũng như các chuyên gia Đài Loan với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở Giao dịch nhằm giao lưu chia sẻ thông tin và kinh nghiệm triển khai các sản phẩm tài chính mới đối với thị trường Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng mục đích của việc kinh doanh không chỉ đơn giản là tập trung vào lợi nhuận. Thông qua việc đóng góp và tham gia xây dựng thị trường, chúng tôi luôn giữ vai trò là người tiên phong trong việc định hướng tương lai cho thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

NUÔI DƯỠNG THẾ HỆ TRẺ

PHS nhận thức được trách nhiệm của mình là đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển môi trường và cộng đồng. Trong đó, PHS luôn chú trọng xây dựng các chiến lược phát triển để nâng cao chuyên môn và kinh nghiệm của nhân viên. Nguồn nhân lực được xem là tài sản quan trọng nhất và việc nuôi dưỡng, phát triển nhân lực cũng là yếu tố chính cho sự phát triển bền vững của PHS.

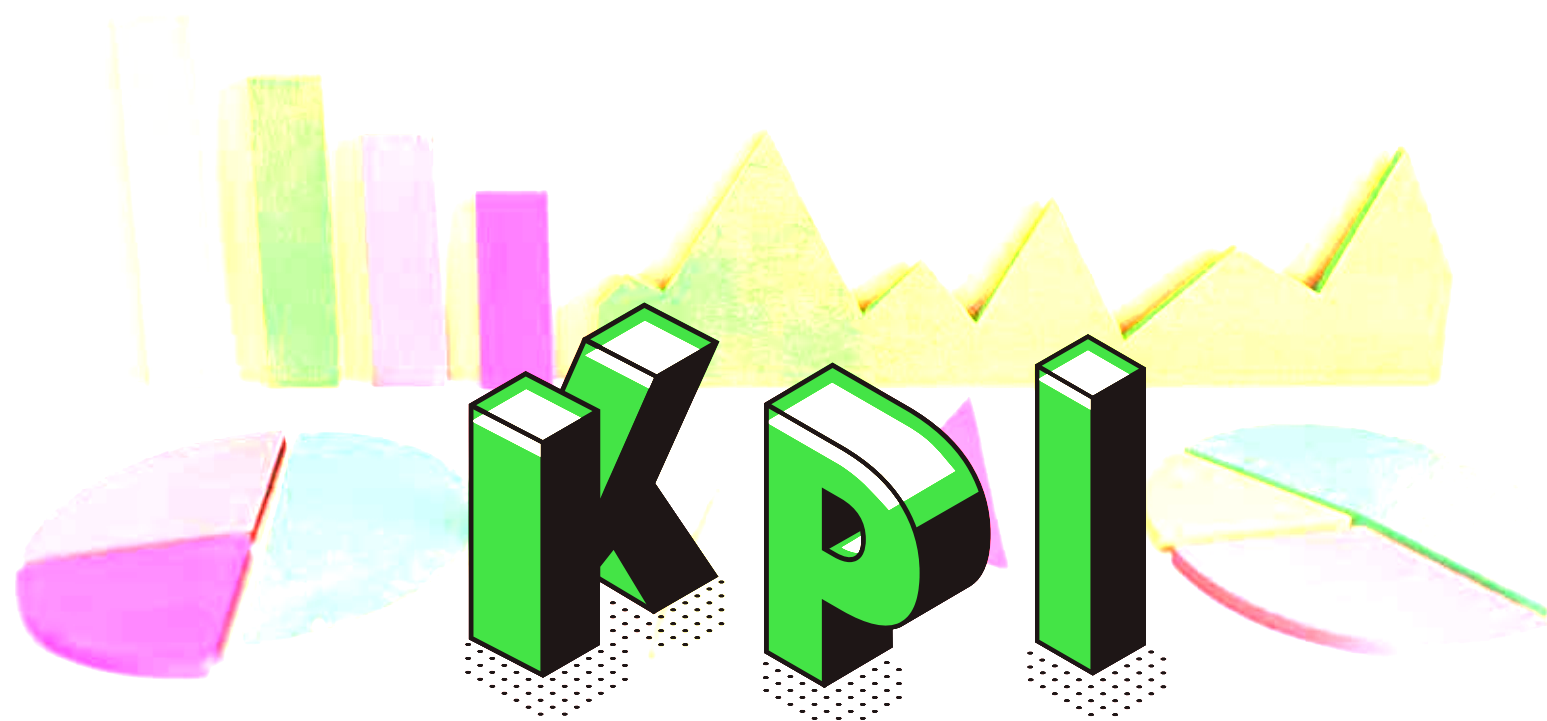
Một trong những hoạt động trách nhiệm xã hội của PHS là thường xuyên định kỳ tổ chức các buổi giao lưu, đào tạo đối với sinh viên các trường Đại học nhằm giúp các bạn trẻ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính chứng khoán cũng như hỗ trợ các bạn trau dồi các kỹ năng, tạo cơ hội cho các bạn tham gia môi trường kinh doanh thực tế, thúc đẩy môi trường làm việc lành mạnh và kích thích sự phát triển của các bạn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.

Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Mặc dù bị sự ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhưng kết quả doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng đã tăng đáng kể, cụ thể đã tăng lần lượt 7,2% và 14% so với năm 2019. Điều này chứng minh được rằng hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực sự được cải thiện và tốt hơn rất nhiều so với những năm trước đó. Công ty luôn nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong Đại hội cổ đông thường niên.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ chuyển sang chu kỳ tăng trưởng lợi nhuận cao giữa viễn cảnh thị trường lạc quan và quản trị doanh nghiệp vững mạnh. Để đạt được những mục tiêu đầy thách thức, HĐQT của PHS sẽ đi theo 6 chiến lược quan trọng như sau:

-  Tăng cường hoạt động nghiên cứu, phân tích – Chúng tôi đặt mục tiêu xây dựng một hệ thống báo cáo phân tích toàn diện và chuyên sâu để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, các bộ phận kinh doanh bao gồm cả bán lẻ và tổ chức và các bộ phận khác. Chúng tôi tự hào là một công ty hiếm hoi trên thị trường cung cấp các báo cáo phân tích bằng tiếng Hoa bên cạnh tiếng Anh và tiếng Việt và sẽ tiếp tục vượt trội về vấn đề này. Hoạt động nghiên cứu, phân tích phát triển mạnh mẽ sẽ giúp nâng cao danh tiếng và tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững cho công ty trong dài hạn.
-  Khai thác sản phẩm mới – Thị trường sản phẩm phái sinh đã tiếp tục gây ấn tượng với những con số tăng trưởng nhanh chóng về quy mô giao dịch cũng như lợi ích của nhà đầu tư. Năm 2020, PHS đã hoàn thành hệ thống giao dịch và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh. Năm 2021, Công ty sẽ đẩy mạnh khai thác và phát triển sản phẩm phái sinh nhằm đem lại nhiều lựa chọn đầu tư cho khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo cho các nhà đầu tư và các khoá đào tạo cho tất cả nhân viên về các sản phẩm phái sinh.
-  Nâng cao tiện ích dịch vụ - để tạo sự thuận tiện khi sử dụng các tiện ích cho khách hàng và cải thiện chất lượng dịch vụ, năm 2020, PHS đã hoàn thiện phát triển phần mềm giao dịch chứng khoán trên di động. Vào năm 2021, chúng tôi sẽ tiếp tục cải tiến giao diện cũng như các tính năng liên quan để cung cấp sự tiện nghi và phù hợp nhất cho khách hàng khi giao dịch chứng khoán.
-  Phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức – Công ty sẽ tìm kiếm thêm nguồn nhân lực để phát triển mạng lưới khách hàng tổ chức đồng thời hỗ trợ để giúp khách hàng tổ chức hiểu hơn về thị trường chứng khoán và cung cấp cho họ những dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên nghiệp trong năm 2021.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng	Chủ tịch của CX Technology Corporation	0%
2.	Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	Thành viên HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Masan	0%
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Chủ tịch của CX Technology (VN) Corporation	0%
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên		0%
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập		0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: KHÔNG CÓ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2020, Hội Đồng Quản Trị đã hoàn thành những công việc được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao phó, qua đó, góp phần thúc đẩy kết quả kinh doanh của PHS khởi sắc và nâng cao thị phần môi giới của PHS trên thị trường chứng khoán.

Ngày 21/01/2020, Hội Đồng Quản Trị thông qua việc sửa đổi, bổ sung chính sách Quản lý rủi ro.

Ngày 27/04/2020, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) và Quy chế quản trị công ty (sửa đổi, bổ sung) đệ trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên ngày 27/04/2020 để thông qua và áp dụng thực hiện.

Những văn bản trên đã cập nhật những quy định pháp luật mới nhất, góp phần tạo nên khung pháp lý chắc chắn, làm nền tảng để công ty hoạt động một cách có hiệu quả và nghiêm chỉnh tuân thủ quy định pháp luật.

PHS đã lập ra Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ để hỗ trợ Hội Đồng Quản trị kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ. Với nguồn nhân sự là những nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, Hội Đồng Quản Trị Rủi Ro và bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ đã giúp Hội Đồng Quản Trị quản lý tốt tất cả các rủi ro trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Trong năm 2020, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện 90 cuộc họp, thông qua 11 Nghị quyết với những nội dung đáng chú ý sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	21/01/2020	02/46_0120/NQ-HĐQT	1. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United, Chi nhánh Chu Lai (DBU); 2. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United (OBU); 3. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 4. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; 5. Thông qua Chính sách Quản lý rủi ro năm 2020.
2.	18/03/2020	01/47_0220/NQ-HĐQT	1. Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng, ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên; 2. Thông qua Việc chuyển và thay đổi địa chỉ Chi nhánh Hà Nội đăng ký với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; 3. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân Hàng Thương Mại Taipei Fubon, Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh; 4. Thông qua Việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac, chi nhánh Offshore.
3.	07/04/2020	01/48_0320/NQ-HĐQT	1. Thông qua Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ lên 900 tỷ đồng (Chín trăm tỷ đồng); 2. Thông qua Chương trình nghị sự và các tài liệu dùng trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (Đại hội) ngày 27/04/2020; 3. Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2019; 4. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019; 5. Thông qua Báo cáo Quản trị Công ty năm 2019; 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; 7. Thông qua Kế hoạch phát triển và kinh doanh Công ty trong năm 2020; 8. Thông qua Dự toán Ngân sách tài chính năm 2020; 9. Thông qua Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2020; 10. Thông qua Việc sửa đổi Điều lệ công ty; 11. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ từ ngày 03/12/2018 đến ngày 06/12/2018; 12. Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 12/02/2020; 13. Thông qua Giấy Ủy quyền cho Ông Chen Chia Ken – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc làm Chủ tọa Đại hội và ký những văn bản liên quan đến Đại hội ngày 27/04/2020; 14. Thông qua Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kiểm toán ngày 31/12/2019; 15. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Cathay United, Chi nhánh Chu Lai; 16. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Mega, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; 17. Thông qua Việc gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Mega, Chi nhánh Offshore.
4.			1.

5.	28/05/2020	02/49_0420/NQ-HĐQT	- Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng First Commercial Bank, chi nhánh Offshore); - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Union Bank of Taiwan; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại Shin Kong Đài Loan; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Chang Hwa, chi nhánh HSI-Sung; - Thông qua Việc ký Hợp đồng Thấu chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
		03/49_0420/NQ-HĐQT	Thông qua Ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2019.
6.	17/07/2020	02/50_0520/NQ-HĐQT	- Thông qua Hợp đồng Hạn mức tín dụng với Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Yuanta, chi nhánh Offshore Banking; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun, chi nhánh Đồng Nai; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Chi Nhánh Đồng Nai; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Chi Nhánh Hong Kong.
		03/50_0520/NQ-HĐQT	Thông qua Hợp đồng dịch vụ với Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng.
7.	10/09/2020	01/51_0620/NQ-HĐQT	- Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), chi nhánh TP. Hồ Chí Minh; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng Quốc tế Taishin; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng EnTie Commercial Bank; - Thông qua Việc Gia hạn Hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd, Chi Nhánh Đồng Nai; - Thông qua Việc Thay đổi vị trí Trưởng Bộ phận Quản lý rủi ro của Công ty.
8.	09/10/2020	01/52_0720/NQ-HĐQT	- Thông qua Việc thành lập chi nhánh mới của Công ty và các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán ủy quyền cho chi nhánh này thực hiện; - Thông qua Việc bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh Thanh Xuân và đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh này tại Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam.
9.	06/11/2020	02/53_0820/NQ-HĐQT	- Thông qua Việc ký kết Hợp đồng Thấu Chi với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành; - Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức tín dụng với Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
10.	30/12/2020	02/54_0920/NQ-HĐQT	- Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021; - Thông qua Việc Gia hạn Hạn mức Tín dụng với Ngân hàng Indovina.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2020, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã thực hiện đúng với nhiệm vụ được giao. Cùng với Ban Kiểm Soát, thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã giám sát và theo dõi các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc trong các hoạt động quản lý điều hành Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ tại PHS	Chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty	Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
1.	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch	Có	Có
2.	Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên	Có	Có
3.	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên	Không	Có
4.	Ông Chen Chia Ken	Thành viên	Có	Có
5.	Bà Liu, Hsiu Mei	Thành viên độc lập	Không	Có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm Soát	Chức vụ tại PHS	Chức vụ tại công ty khác	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại PHS
1.	Ông Liew, Sep Siang	Trưởng Ban Kiểm Soát	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	0%
2.	Ông Lii, San-Rong	Thành viên		0%
3.	Ông Chiu, Hsien-Chih	Thành viên	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát trong năm 2020 đã thực hiện các công việc trên tinh thần khách quan, độc lập, tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của PHS, bao gồm việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc điều hành, quản trị Công ty của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc cũng như hoạt động của các khối trong Công ty.

Trong năm 2020, Ban Kiểm Soát đã thực hiện những cuộc họp thể hiện qua các biên bản họp sau:

STT	Ngày	Số Nghị Quyết	Nội dung
1.	07/04/2020	01/12_0120/BB-BKS	1. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh năm 2019 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 27/04/2020; 2. Thông qua đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020 trình lên Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 27/04/2020.
2.	18/09/2020	01/13_0220/BB-BKS	1. Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020; 2. Báo cáo Tài chính soát xét tháng 08/2020; 3. Báo cáo hoạt động kinh doanh tháng 08/2020; 4. Báo cáo Đánh giá hoạt động kiểm soát của PHS Quý 2 năm 2020.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được nhận thù lao theo chế độ của Công ty. Tổng cộng khoản thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát là 1.920.000.000 đồng.

Thành viên Ban Tổng Giám Đốc gồm có Tổng Giám Đốc và Phó Tổng Giám Đốc nhận lương và thưởng theo chế độ của Công ty.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2020, Cổ đông nội bộ không giao dịch cổ phiếu.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2020, PHS không có hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2020, áp dụng những quy định về quản trị công ty đại chúng tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, PHS đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong kỳ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 27/04/2020.

Đồng thời, PHS cũng tổ chức phổ biến các quy định mới trong Nghị định 155/2020/NĐ-CP để tất cả các khối trong công ty có cơ sở tuân thủ và thực hiện theo Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00135-21-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
	TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		2.077.677.150.112	1.652.163.390.210
I	Tài sản tài chính	110		2.075.272.340.831	1.650.131.619.899
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	127.518.080.479	320.167.339.450
1.1	Tiền	111.1		70.656.481.089	280.687.339.450
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		56.861.599.390	39.480.000.000
2	Các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận theo lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	10.478.501.257	4.031.198.460
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	390.001.100.000	140.000.000.000
4	Các khoản cho vay	114	7(c)	1.526.115.693.192	1.152.505.700.729
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	116	11(a)	(6.837.025.917)	(6.209.462.344)
7	Các khoản phải thu	117	8	21.521.607.009	20.293.692.333
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	117.2		21.521.607.009	20.293.692.333
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		1.146.949.756	906.042.782
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	9	1.586.330.917	14.854.588.411
12	Các khoản phải thu khác	122	10	12.927.427.365	12.908.730.609
13	Dự phòng phải thu khó đòi	129	11(b)	(9.186.323.227)	(9.326.210.531)
II	Tài sản ngắn hạn khác	130		2.404.809.281	2.031.770.311
1	Tạm ứng	131		160.762.020	234.021.500
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12(a)	2.244.047.261	1.797.748.811
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250)	200		57.423.084.938	24.670.500.938
II	Tài sản cố định	220		19.046.066.554	10.079.106.115
1	Tài sản cố định hữu hình	221	13	14.967.601.180	7.594.889.993
	Nguyên giá	222		37.403.994.515	29.261.905.860
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(22.436.393.335)	(21.667.015.867)
3	Tài sản cố định vô hình	227	14	4.078.465.374	2.484.216.122
	Nguyên giá	228		10.985.466.400	8.161.659.400
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(6.907.001.026)	(5.677.443.278)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	15	8.998.200.000	-
V	Tài sản dài hạn khác	250		29.378.818.384	14.591.394.823
1	Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	16	4.091.454.365	2.158.593.638
2	Chi phí trả trước dài hạn	252	12(b)	5.509.349.173	5.375.565.117
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	17	313.898.778	93.120.000
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	18	9.464.116.068	6.964.116.068
5	Tài sản dài hạn khác	255	19	10.000.000.000	-

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		2.135.100.235.050	1.676.833.891.148
		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)		300		1.141.671.321.227	906.548.441.876
I Nợ phải trả ngắn hạn		310		1.140.359.800.393	906.211.288.048
1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		311		747.535.000.000	775.236.400.000
1.1 Vay ngắn hạn		312	20	747.535.000.000	775.236.400.000
6 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		318	21	364.528.420.516	111.293.382.916
8 Phải trả người bán		320		4.111.386.287	115.116.481
10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		322	22	7.809.489.765	4.876.090.886
11 Phải trả người lao động		323		6.146.000	5.830.000
12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		324		376.030.823	379.476.823
13 Chi phí phải trả		325	23	15.185.556.152	13.772.928.606
15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		327		4.999.997	-
17 Các khoản phải trả khác		329	24	802.770.853	532.062.336
II Nợ phải trả dài hạn		340		1.311.520.834	337.153.828
12 Dự phòng phải trả dài hạn		354		1.311.520.834	317.300.000
14 Thuế TNDN hoãn lại phải trả		356	17	-	19.853.828
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)		400		993.428.913.823	770.285.449.272
I Vốn chủ sở hữu		410		993.428.913.823	770.285.449.272
1 Vốn cổ phần		411		899.998.815.000	699.998.815.000
1.1 Vốn cổ phần		411.1	25	900.000.000.000	700.000.000.000
1.5 Cổ phiếu quỹ		411.5		(1.185.000)	(1.185.000)
4 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		414		5.018.242.793	2.376.077.650
5 Quỹ dự phòng tài chính		415		5.018.242.793	2.376.077.650
7 Lợi nhuận chưa phân phối		417		83.393.613.237	65.534.478.972
7.1 Lợi nhuận đã thực hiện		417.1		80.534.286.294	63.350.375.977
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		417.2		2.859.326.943	2.184.102.995
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		2.135.100.235.050	1.676.833.891.148

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY			
6 Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	89.999.510	69.999.510
7 Cổ phiếu quỹ (số lượng cổ phiếu)	007	490	490
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	2.314.440.000	1.035.980.000
9 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	2.550.000	2.550.000
10 TSTC chờ về của Công ty	010	546.600.000	234.000.000
13 TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	80.000	220.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	5.254.510.749.200	4.728.311.767.000
a TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	4.978.338.825.200	4.588.152.077.000
b TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2	56.603.070.000	12.941.700.000
c TSTC giao dịch cầm cố	021.3	59.866.560.000	59.866.560.000
d TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4	70.000	70.000
e TSTC chờ thanh toán	021.5	159.702.224.000	67.351.360.000
2 TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	173.019.360.000	78.327.490.000
a TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1	82.819.360.000	77.982.490.000
b TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2	90.200.000.000	345.000.000
3 TSTC chờ về của nhà đầu tư/khách hàng	023	193.086.368.800	57.803.535.000
6 TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	502.930.000	3.374.990.000
7 Tiền gửi của khách hàng	026	204.242.106.418	49.435.441.889
7.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	204.049.998.312	49.435.441.889
7.2 Tiền ký quỹ của khách hàng tại VSD	027.1	192.108.106	-

	Mã số	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	204.049.998.312	49.435.441.889
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	198.767.205.992	44.338.806.235
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	5.282.792.320	5.096.635.654

		Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
I	DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính (“TSTC”) ghi nhận thông qua lãi hoặc lỗ (“FVTPL”)	01		3.976.256.726	1.523.389.675
a	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	26	3.734.101.207	1.295.749.556
b	Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2		159.481.540	72.427.735
c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3		82.673.979	155.212.384
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	27	27.614.667.457	11.269.902.468
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28	113.157.436.199	129.349.693.034
1.6	Doanh thu môi giới chứng khoán	06		65.883.939.919	50.210.586.426
1.9	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		1.646.389.358	1.532.409.051
1.10	Doanh thu tư vấn	10		240.898.989	934.954.546
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11		875.546.829	760.293.206
	Tổng doanh thu hoạt động	20		213.395.135.477	195.581.228.406
II	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		1.656.736.731	1.208.225.048
a	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	26	1.627.679.139	1.235.066.451
b	Chênh lệch giảm/(tăng) đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2		29.057.592	(26.841.403)
2.4	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu	24	11(a)	627.563.573	157.822.703
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26		1.520.697.400	1.298.954.093
2.7	Chi phí môi giới chứng khoán	27	29	75.421.882.659	65.714.817.896
2.10	Chi phí lưu ký chứng khoán	30		1.998.397.657	2.095.489.555
2.11	Chi phí nghiệp vụ tư vấn	31		1.180.083.060	872.179.884
2.12	Chi phí khác	32	11(b)	(139.887.304)	36.521.025
	Tổng chi phí hoạt động	40		82.265.473.776	71.384.010.204

		Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
III	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		2.518.925.808	5.907.946.744
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng	42		343.733.993	288.524.752
	Tổng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.862.659.801	6.196.471.496
IV	CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		2.779.182.547	6.483.647.059
4.2	Chi phí lãi vay	52	30	16.777.859.843	26.790.151.853
	Tổng chi phí tài chính	60		19.557.042.390	33.273.798.912
VI	CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	31	48.345.101.618	39.205.293.931
VII	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 – 40 – 60 – 62)	70		66.090.177.494	57.914.596.855
VIII	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1	Thu nhập khác	71		23.230.909	15.752.368
8.2	Chi phí khác	72		398.046.521	125.000.000
	Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		(374.815.612)	(109.247.632)
IX	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)				
9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	91		65.040.137.934	52.329.380.085
9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		675.223.948	5.475.969.138

		Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
X	CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		12.872.059.031	10.283.796.217
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	32	13.112.691.637	10.357.062.389
10.2	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	32	(240.632.606)	(73.266.172)
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		52.843.302.851	47.521.553.006
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		-	-
XIII	THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU	500			
13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	33	603	679

	Mã số	2020 VND	2019 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	65.715.361.882	57.805.349.223
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	19.230.154.324	36.292.416.390
Khấu hao và phân bổ	03	3.738.560.161	2.580.795.791
Các khoản dự phòng	04	487.676.269	194.343.728
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(544.800.000)	(5.376.700.000)
Chi phí lãi	06	16.777.859.843	26.790.151.853
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(1.227.273)	-
Dự thu tiền lãi	08	(1.227.914.676)	12.103.825.018
3 Thay đổi các chi phí phi tiền tệ	10	29.057.592	(26.841.403)
Tăng/(giảm) chênh lệch giảm từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	29.057.592	(26.841.403)
4 Thay đổi các doanh thu phi tiền tệ	18	(159.481.540)	(72.427.735)
Tăng chênh lệch tăng từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(159.481.540)	(72.427.735)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			
(30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	84.815.092.258	93.998.496.475
Tăng TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(6.316.878.849)	(1.352.732.732)
Tăng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(250.001.100.000)	(60.000.000.000)
(Tăng)/giảm các khoản cho vay	33	(373.609.992.463)	22.662.252.258
Giảm các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	13.268.257.494	872.427.552
(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác	39	(18.696.756)	27.257.539
Tăng các tài sản khác	40	(14.359.601.247)	(2.674.040.314)
Tăng chi phí phải trả	41	2.330.212.027	1.196.160.820
Tăng chi phí trả trước	42	(580.082.506)	(1.714.597.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	43	(12.277.559.889)	(7.108.114.533)
Tiền lãi đã trả	44	(17.695.444.324)	(26.515.679.681)
(Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45	(243.837.168)	194.577.918
(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi	46	(3.446.000)	2.528.750
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.098.267.131	347.287.726
Tăng phải trả người lao động	48	316.000	1.288.000
Tăng các khoản phải trả khác	50	254.157.244.958	6.999.530.212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(318.437.249.334)	26.936.642.821

	Mã số	2020 VND	2019 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(17.704.520.600)	(5.291.900.800)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	1.227.273	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(17.703.293.327)	(5.291.900.800)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	71	200.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	5.131.947.752.099	4.154.226.008.349
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(5.159.104.352.099)	(4.021.278.908.349)
Trả cổ tức cho cổ đông	76	(29.352.116.310)	(22.713.348.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	143.491.283.690	110.233.751.963
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	90	(192.649.258.971)	131.878.493.984
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	320.167.339.450	188.288.845.466
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	103	127.518.080.479	320.167.339.450
▪ Tiền	103.1	70.656.481.089	280.687.339.450
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	56.861.599.390	39.480.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2020 VND	2019 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	20.707.417.053.638	16.250.528.692.063
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(18.220.172.194.180)	(13.740.290.451.630)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	24.843.292.980.424	21.640.839.991.760
Nhận tiền ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	07.1	192.108.106	-
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(27.174.378.940.235)	(24.152.606.205.905)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(1.544.343.224)	(1.135.396.445)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	154.806.664.529	(2.663.370.157)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	49.435.441.889	52.098.812.046
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	49.435.441.889	52.098.812.046
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	49.435.441.889	52.098.812.046
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	204.242.106.418	49.435.441.889
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	204.242.106.418	49.435.441.889
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý Trong đó: Nhà đầu tư ký quỹ tại VSD	42	204.242.106.418 192.108.106	49.435.441.889 -

	Số dư đầu năm tại ngày		31/12/2019	Biến động trong năm kết thúc ngày		31/12/2020	Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2019	1/1/2020		31/12/2019	31/12/2020		31/12/2019	31/12/2020
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn cổ phần	700.000.000.000	700.000.000.000	-	-	200.000.000.000	-	700.000.000.000	900.000.000.000
Vốn khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	(1.185.000)	(1.185.000)	-	-	-	-	(1.185.000)	(1.185.000)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	2.376.077.650	2.376.077.650	-	2.642.165.143	-	2.376.077.650	5.018.242.793
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.376.077.650	2.376.077.650	-	2.642.165.143	-	2.376.077.650	5.018.242.793
Lợi nhuận chưa phân phối	45.864.919.566	65.534.478.972	47.521.553.006	(27.851.993.600)	52.843.302.851	(34.984.168.586)	65.534.478.972	83.393.613.237
<i>Trong đó:</i>								
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>49.156.785.709</i>	<i>63.350.375.977</i>	<i>42.045.583.868</i>	<i>-</i>	<i>52.168.078.903</i>	<i>-</i>	<i>91.202.369.577</i>	<i>115.518.454.880</i>
<i>Phân phối cổ tức</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(23.099.838.300)</i>	<i>-</i>	<i>(29.699.838.300)</i>	<i>(23.099.838.300)</i>	<i>(29.699.838.300)</i>
<i>Trích quỹ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(4.752.155.300)</i>	<i>-</i>	<i>(5.284.330.286)</i>	<i>(4.752.155.300)</i>	<i>(5.284.330.286)</i>
<i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>(3.291.866.143)</i>	<i>2.184.102.995</i>	<i>5.475.969.138</i>	<i>-</i>	<i>675.223.948</i>	<i>-</i>	<i>2.184.102.995</i>	<i>2.859.326.943</i>
Tổng cộng	745.863.734.566	770.285.449.272	52.273.708.306	(27.851.993.600)	258.127.633.137	(34.984.168.586)	770.285.449.272	993.428.913.823

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016.

Công ty được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“PHS”) – được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 23/UBCK-GPHĐKD ngày 1 tháng 12 năm 2006 và Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành (“ATS”). Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ tài sản, nợ phải trả, các quyền lợi và nghĩa vụ của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 và PHS và ATS chấm dứt hoạt động từ ngày 20 tháng 1 năm 2016. Tài sản và nợ phải trả của PHS và ATS tại ngày 19 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang cho Công ty theo giá trị ghi sổ và giá trị tài sản ròng (tổng tài sản – tổng nợ phải trả) của PHS và ATS tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 cấu thành vốn điều lệ của Công ty.

Công ty đã đăng ký giao dịch UpCOM với mã PHS theo Quyết định số 475/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 19/07/2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 900.000.000.000 VND (31/12/2019: 700.000.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cho vay ký quỹ, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 236 nhân viên (31/12/2019: 198 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được trình bày ở Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);

Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(f);

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là một công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phân lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Trong trường hợp không có giá giao dịch trong khoảng thời gian này, Công ty không trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phái sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán

chứng khoán và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tương ứng tại ngày báo cáo.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập bằng cách tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc Công ty cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 4 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phần mềm chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ và dụng cụ và là các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được PHS, ATS và Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(p) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận đã thực hiện như sau:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(q) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và mệnh giá của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày báo cáo. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng Quản trị đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Hội đồng Quản trị.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	127.514.944.224	320.161.276.195
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	390.001.100.000	140.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	1.526.115.693.192	1.152.505.700.729
Các khoản phải thu (ii)	21.521.607.009	20.293.692.333
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	1.586.330.917	14.854.588.411
Các khoản phải thu khác (ii)	12.927.427.365	12.908.730.609
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	9.464.116.068	6.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.000.000.000	-
	2.099.131.218.775	1.667.688.104.345

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ của họ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong thời hạn quy định, nếu khách hàng không bổ sung tài sản đảm bảo, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của hợp đồng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	11.910.272.245	12.064.279.773
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn trên 3 năm	5.974.199.169	10.197.951.244
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn không quá 1 năm	862.826.748	-
	<u>18.747.298.162</u>	<u>22.262.231.017</u>

Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị tổn thất:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi tại Công ty	210.468	269.022
Chứng khoán niêm yết tại	2.723.738.550	6.726.289.120
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	4.695.950	3.434.220
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	-	3.988.488.900
▪ Sàn UPCOM	2.719.042.600	2.734.366.000
	<u>2.723.949.018</u>	<u>6.726.558.142</u>

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị tổn thất như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	3.605.514.507	491.103.403

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	747.535.000.000	751.444.396.949	751.444.396.949
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	364.528.420.516	364.528.420.516	364.528.420.516
Phải trả người bán	4.111.386.287	4.111.386.287	4.111.386.287
Chi phí phải trả	5.651.168.415	5.651.168.415	5.651.168.415
Các khoản phải trả khác	802.770.853	802.770.853	802.770.853
	1.122.628.746.071	1.126.538.143.020	1.126.538.143.020

As at 31 December 2019	Carrying amount VND	Contractual cash flows VND	Within 1 year VND
Vay ngắn hạn	775.236.400.000	782.849.900.708	782.849.900.708
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	111.293.382.916	111.293.382.916	111.293.382.916
Phải trả người bán	115.116.481	115.116.481	115.116.481
Chi phí phải trả	13.772.928.606	13.772.928.606	13.772.928.606
Các khoản phải trả khác	532.062.336	532.062.336	532.062.336
	900.949.890.339	908.563.391.047	908.563.391.047

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	26.500.000	614.535.000.000	28.680.000	666.236.400.000

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2020	31/12/2019
USD/VND	23.190	23.230

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
USD (yếu hơn 1% so với VND) – tăng lợi nhuận sau thuế	4.916.280.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
USD (yếu hơn 1% so với VND) – tăng lợi nhuận sau thuế	5.329.891.200

Biến động ngược lại của tỷ giá USD có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	127.514.944.224	320.161.276.195
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	390.001.100.000	140.000.000.000
Các khoản cho vay - thuần	1.519.278.667.275	1.146.296.238.385
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	9.464.116.068	6.964.116.068
Tài sản dài hạn khác	10.000.000.000	-
Vay ngắn hạn	(747.535.000.000)	(775.236.400.000)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) **Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	10.475.155.718	10.475.155.718	4.027.877.978	4.027.877.978
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.345.539	3.345.539	3.320.482	3.320.482
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	340.000.000.000	(*)	140.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	50.001.100.000	(*)	-	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	127.518.080.479	127.518.080.479	320.167.339.450	320.167.339.450
▪ Các khoản cho vay - thuần	1.519.278.667.275	(*)	1.146.296.238.385	(*)
▪ Các khoản phải thu	21.521.607.009	(*)	20.293.692.333	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	1.586.330.917	(*)	14.854.588.411	(*)
▪ Các khoản phải thu khác – thuần	3.741.104.138	(*)	3.582.520.078	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	9.464.116.068	(*)	6.964.116.068	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.000.000.000	(*)	-	(*)

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(747.535.000.000)	(*)	(775.236.400.000)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(364.528.420.516)	(*)	(111.293.382.916)	(*)
▪ Phải trả người bán	(4.111.386.287)	(*)	(115.116.481)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(5.651.168.415)	(*)	(13.772.928.606)	(*)
▪ Phải trả khác	(802.770.853)	(*)	(532.062.336)	(*)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền mặt	3.136.255	6.063.255
Tiền gửi ngân hàng	70.653.344.834	280.681.276.195
Các khoản tương đương tiền	56.861.599.390	39.480.000.000
	127.518.080.479	320.167.339.450

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 56.861.599.390 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2019: 39.480.000.000 VND) (Thuyết minh 20).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2020		2019	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	6.930.250	207.618.833.838	4.527.988	152.661.850.513
Trái phiếu	15.091.320	1.590.274.599.640	4.661.218	480.766.016.204
Chứng khoán khác	907.560	10.007.296.719	-	-
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	2.546.957.403	39.971.153.145.318	1.719.499.088	29.985.109.762.293
Trái phiếu	16.795.420	1.734.416.206.585	14.273.702	1.660.396.351.768
Chứng khoán khác	22.433.967	193.757.069.600	3.035.480	14.935.107.200
	2.609.115.920	43.707.227.151.700	1.745.997.476	32.293.869.087.978

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	9.769.258.831	9.977.325.318	3.950.657.122	4.023.980.878
Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM	504.069.944	497.830.400	5.817.861	3.897.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.345.539	3.345.539	3.320.482	3.320.482
	10.276.674.314	10.478.501.257	3.959.795.465	4.031.198.460

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

	Số lượng	31/12/2020	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2020		
		Giá gốc VND (1)		Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết						
DRC	50.001	1.121.102.793	1.147.522.950	26.420.157	-	1.147.522.950
MWG	9.007	1.071.332.599	1.070.932.300	-	400.299	1.070.932.300
CTG	30.007	1.054.803.138	1.036.741.850	-	18.061.288	1.036.741.850
TCB	30.009	898.193.185	945.283.500	47.090.315	-	945.283.500
HPG	18.008	708.077.188	746.431.600	38.354.412	-	746.431.600
NLG	25.003	735.318.788	737.588.500	2.269.712	-	737.588.500
POW	45.000	551.250.000	612.000.000	60.750.000	-	612.000.000
PLX	10.000	554.000.000	546.000.000	-	8.000.000	546.000.000
MSN	6.005	503.343.338	533.844.500	30.501.162	-	533.844.500
DGC	10.002	484.922.720	511.102.200	26.179.480	-	511.102.200
Các cổ phiếu khác	43.258	2.086.915.082	2.089.877.918	21.102.089	18.139.253	2.089.877.918
	276.300	9.769.258.831	9.977.325.318	252.667.327	44.600.840	9.977.325.318
UPCoM						
VEA	9.000	500.200.000	495.900.000	-	4.300.000	495.900.000
Các cổ phiếu khác	290	3.869.944	1.930.400	252.081	2.191.625	1.930.400
	9.290	504.069.944	497.830.400	252.081	6.491.625	497.830.400

	Số lượng	31/12/2020	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2020		
		Giá gốc VND (1)		Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu chưa niêm yết						
MCV	134	1.918.500	1.918.500	-	-	1.918.500
CIC	54	679.437	679.437	-	-	679.437
Các cổ phiếu khác	94	747.602	747.602	-	-	747.602
	282	3.345.539	3.345.539	-	-	3.345.539
	285.872	10.276.674.314	10.478.501.257	252.919.408	(51.092.465)	10.478.501.257

Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Số lượng	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)	
Cổ phiếu niêm yết						
TCB	32.209	748.428.185	758.521.950	10.093.765	-	758.521.950
DRC	32.323	747.335.377	753.125.900	5.790.523	-	753.125.900
HPG	32.294	746.782.506	758.909.000	12.126.494	-	758.909.000
VNM	4.407	525.234.462	513.415.500	-	11.818.962	513.415.500
BID	6.218	259.142.895	286.960.700	27.817.805	-	286.960.700
NVL	4.321	243.741.960	257.099.500	13.357.540	-	257.099.500
FPT	4.426	251.097.257	258.035.800	6.938.543	-	258.035.800
VCB	2.794	248.084.965	252.018.800	3.933.835	-	252.018.800
Cổ phiếu khác	7.068	180.809.515	185.893.728	13.214.914	8.130.701	185.893.728
	126.060	3.950.657.122	4.023.980.878	93.273.419	19.949.663	4.023.980.878
UPCoM						
HBD	60	846.765	1.296.000	449.235	-	1.296.000
Cổ phiếu khác	364	4.971.096	2.601.100	196.838	2.566.834	2.601.100
	424	5.817.861	3.897.100	646.073	2.566.834	3.897.100
Cổ phiếu chưa niêm yết						
MCV	134	1.918.500	1.918.500	-	-	1.918.500
Cổ phiếu khác	145	1.401.982	1.401.982	-	-	1.401.982
	279	3.320.482	3.320.482	-	-	3.320.482
	126.763	3.959.795.465	4.031.198.460	93.919.492	22.516.497	4.031.198.460

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	340.000.000.000	(*)	140.000.000.000	(*)
Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	50.001.100.000	(*)	-	(*)
	390.001.100.000	(*)	140.000.000.000	(*)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 60.000.000.000 VND được cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2019: 110.000.000.000 VND) (Thuyết minh số 20).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết này có thời hạn đáo hạn gốc là 1 năm và hưởng lãi suất 8%/năm (31/12/2019: không có). Thu nhập lãi trái phiếu là cố định và được trả sau mỗi sáu tháng.

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	1.390.747.070.299	(*)	1.095.599.974.467	(*)
Tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán (ii)	135.368.622.893	(*)	56.905.726.262	(*)
	1.526.115.693.192	(*)	1.152.505.700.729	(*)

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 14% (31/12/2019: từ 10% đến 15%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 50% - 90% (31/12/2019: 50% - 90%) và tỷ lệ ký quỹ duy trì là 30% - 70% (31/12/2019: 30% - 50%).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm từ 9% đến 14% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày (31/12/2019: từ 10,5% đến 14%).
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Các khoản phải thu

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	14.700.734.925	16.500.130.138
Lãi dự thu từ trái phiếu doanh nghiệp	1.145.205.476	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.675.666.608	3.793.562.195
	21.521.607.009	20.293.692.333

9. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu từ thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	-	13.121.526.200
Phải thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán	990.205.604	921.511.291
Phải thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	558.190.219	181.531.948
Phải thu khác	37.935.094	630.018.972
	1.586.330.917	14.854.588.411

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	12.395.295.949	12.555.383.176
Phải thu khác	532.131.416	353.347.433
	12.927.427.365	12.908.730.609

- (i) Số dư này phản ánh các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán phát sinh trước khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Dự phòng cho các khoản tạm ứng này được lập và trình bày trong Thuyết minh 11(b).

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi

(a) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

2020

	Tại ngày 31/12/2020			Dự phòng tại ngày 31/12/2019 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND		
Cho vay giao dịch ký quỹ	6.837.025.917	-	6.837.025.917	6.209.462.344	627.563.573

2019

	Tại ngày 31/12/2019			Dự phòng tại ngày 31/12/2018 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND		
Cho vay giao dịch ký quỹ	10.197.951.244	3.988.488.900	6.209.462.344	6.051.639.641	157.822.703

13. Tài sản cố định hữu hình

2020

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.734.108.818	25.262.357.042	2.265.440.000	-	29.261.905.860
Tăng trong năm	-	9.828.567.100	-	53.146.500	9.881.713.600
Xóa sổ	(386.757.140)	(703.045.136)	-	-	(1.089.802.276)
Thanh lý	-	(649.822.669)	-	-	(649.822.669)
Số dư cuối năm	1.347.351.678	33.738.056.337	2.265.440.000	53.146.500	37.403.994.515
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.734.108.818	19.663.640.315	269.266.734	-	21.667.015.867
Khấu hao trong năm	-	1.921.323.416	585.021.672	2.657.325	2.509.002.413
Xóa sổ	(386.757.140)	(703.045.136)	-	-	(1.089.802.276)
Thanh lý	-	(649.822.669)	-	-	(649.822.669)
Số dư cuối năm	1.347.351.678	20.232.095.926	854.288.406	2.657.325	22.436.393.335
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	-	5.598.716.727	1.996.173.266	-	7.594.889.993
Số dư cuối năm	-	13.505.960.411	1.411.151.594	50.489.175	14.967.601.180

11. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và phải thu khó đòi (tiếp theo)

(b) Dự phòng phải thu khó đòi

2020

	Tại ngày 31/12/2020			Dự phòng tại ngày 31/12/2019 VND	Dự phòng hoàn nhập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND		
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.910.272.245	2.723.949.018	9.186.323.227	9.326.210.531	(139.887.304)

2019

	Tại ngày 31/12/2019			Dự phòng tại ngày 31/12/2018 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND		
Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	12.064.279.773	2.738.069.242	9.326.210.531	9.289.689.506	36.521.025

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Bảo trì phần mềm	334.380.585	443.227.615
Chi phí thuê trả trước	324.165.784	347.919.870
Các chi phí trả trước khác	1.585.500.892	1.006.601.326
	2.244.047.261	1.797.748.811

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Công cụ và dụng cụ	2.178.127.462	1.911.021.881
Các chi phí trả trước khác	3.331.221.711	3.464.543.236
	5.509.349.173	5.375.565.117

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	5.375.565.117	4.055.303.300
Tăng trong năm	3.723.456.637	4.338.601.500
Phân bổ trong năm	(3.589.672.581)	(3.018.339.683)
Số dư cuối năm	5.509.349.173	5.375.565.117

13. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2019	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.734.108.818	22.274.342.712	-	24.008.451.530
Tăng trong năm	-	3.026.460.800	2.265.440.000	5.291.900.800
Thanh lý	-	(38.446.470)	-	(38.446.470)
Số dư cuối năm	1.734.108.818	25.262.357.042	2.265.440.000	29.261.905.860
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.734.108.818	18.395.569.176	-	20.129.677.994
Khấu hao trong năm	-	1.306.517.609	269.266.734	1.575.784.343
Thanh lý	-	(38.446.470)	-	(38.446.470)
Số dư cuối năm	1.734.108.818	19.663.640.315	269.266.734	21.667.015.867
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	3.878.773.536	-	3.878.773.536
Số dư cuối năm	-	5.598.716.727	1.996.173.266	7.594.889.993

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 17.568.510.315 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2019: 19.049.773.760 VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	2020 Phần mềm máy vi tính VND	2019 Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	8.161.659.400	8.161.659.400
Tăng trong năm	2.823.807.000	-
Số dư cuối năm	10.985.466.400	8.161.659.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.677.443.278	4.672.431.830
Khấu hao trong năm	1.229.557.748	1.005.011.448
Số dư cuối năm	6.907.001.026	5.677.443.278
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	2.484.216.122	3.489.227.570
Số dư cuối năm	4.078.465.374	2.484.216.122

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 1.742.545.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (31/12/2019: 1.305.495.000 VND).

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	8.998.200.000	-
Số dư cuối năm	8.998.200.000	-

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phần mềm máy vi tính	8.998.200.000	-

16. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và xe hơi	4.091.454.365	2.158.593.638

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí trích trước	20%	354.264.166	93.120.000
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		354.264.166	93.120.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL	20%	(40.365.388)	(19.853.828)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(40.365.388)	(19.853.828)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) - thuần		313.898.778	(73.266.172)

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.964.116.068	4.464.116.068
Tiền nộp thêm trong năm	2.107.703.366	2.280.686.961
Tiền lãi nhận được trong năm	392.296.634	219.313.039
Số dư cuối năm	9.464.116.068	6.964.116.068

19. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Quỹ bù trừ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh	10.000.000.000	-

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ban hành về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (“ Quỹ bù trừ ”) bằng tiền mặt (VND) hoặc chứng khoán. Mức đóng góp ban đầu tối thiểu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ tổng hợp.

Công ty đã trở thành thành viên bù trừ trực tiếp của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận Thành viên bù trừ số 04/GCN-UBCK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 16 tháng 6 năm 2020.

Biến động tiền gửi tại Quỹ bù trừ trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	10.000.000.000	-
Số dư cuối năm	10.000.000.000	-



20. Vay ngắn hạn

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2020 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2020 VND
Các khoản vay ngắn hạn từ							
▪ Ngân hàng Yuanta Commercial	USD	1,47% – 3,37%	116.150.000.000	116.330.000.000	(116.250.000.000)	(280.000.000)	115.950.000.000
▪ Ngân hàng Cathay United – Đơn vị ngân hàng nước ngoài	USD	1,70% – 3,22%	116.150.000.000	117.380.000.000	(116.775.000.000)	(805.000.000)	115.950.000.000
▪ Ngân hàng Chang Hwa – Chi nhánh Hsi-sung	USD	1,64% – 3,70%	108.716.400.000	116.350.000.000	(109.171.600.000)	55.200.000	115.950.000.000
▪ Ngân hàng First Commercial Bank – Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	USD	1,63% – 3,80%	69.690.000.000	69.810.000.000	(69.750.000.000)	(180.000.000)	69.570.000.000
▪ Ngân hàng Taiwan Shin Kong Commercial Bank Co., Ltd.	USD	1,74% – 3,24%	69.690.000.000	69.620.000.000	(70.380.000.000)	640.000.000	69.570.000.000
▪ Ngân hàng Taishin International	USD	1,64% – 3,06%	-	93.760.000.000	(47.420.000.000)	40.000.000	46.380.000.000
▪ Ngân hàng Đài Loan Union	USD	1,72% – 3,44%	69.690.000.000	46.540.000.000	(69.810.000.000)	(40.000.000)	46.380.000.000
▪ Ngân hàng Cathay United – Chi nhánh Chu Lai	VND	3,80% – 5,75%	-	66.000.000.000	(26.000.000.000)	-	40.000.000.000
▪ Ngân hàng E.SUN – Chi nhánh Đồng Nai (i)	VND	2,40% – 6,30%	50.000.000.000	40.000.000.000	(50.000.000.000)	-	40.000.000.000
▪ Ngân hàng MEGA International Commercial Bank – Trụ sở chính (i)	USD	2,00% – 3,40%	34.845.000.000	70.192.500.000	(70.260.000.000)	7.500.000	34.785.000.000
▪ Ngân hàng MEGA International Commercial Bank – TP.HCM (i)	VND	3,40% – 5,00%	30.000.000.000	43.000.000.000	(43.000.000.000)	-	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh TP. HCM	VND	2,18%	-	46.000.000.000	(23.000.000.000)	-	23.000.000.000
▪ BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (i)	VND	5,75% – 8,90%	-	3.206.675.252.099	(3.206.675.252.099)	-	-
▪ Ngân hàng Indovina Bank – Chi nhánh TP. HCM	VND	5,80% – 6,80%	29.000.000.000	34.000.000.000	(63.000.000.000)	-	-

Diễn giải	Nguyên tệ	Lãi suất (năm)	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2020 VND	Số vay trong năm VND	(Số trả trong năm) VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2020 VND
▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Hồng Kông	USD	3,66% – 3,81%	81.305.000.000	-	(81.322.500.000)	17.500.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh TP. HCM	VND	5,25% – 7,80%	-	559.600.000.000	(559.600.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh 4 – TP. HCM (i)	VND	6,05% – 6,10%	-	317.000.000.000	(317.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng Entie Commercial	VND	1,92% – 3,44%	-	69.690.000.000	(69.690.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh TP. HCM	VND	4,10% – 5,00%	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	-
▪ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. – Chi nhánh Đồng Nai	VND	4,40% – 6,60%	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
			775.236.400.000	5.131.947.752.099	(5.159.104.352.099)	(544.800.000)	747.535.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền và các khoản tương đương tiền là 56.861.599.390 VND (31/12/2019: 39.480.000.000) (Thuyết minh 5) và các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 60.000.000.000 VND (31/12/2019: 110.000.000.000 VND) (Thuyết minh 7(b)).

21. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	346.591.802.500	110.059.308.500
Thanh toán và bù trừ giao dịch chứng khoán	17.936.549.200	1.199.345.600
Phải trả khác	68.816	34.728.816
	364.528.420.516	111.293.382.916

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.248.947.856	13.112.691.637	(12.277.559.889)	4.084.079.604
Thuế thu nhập cá nhân	1.608.072.869	21.831.785.911	(19.745.430.906)	3.694.427.874
Thuế giá trị gia tăng	2.977.273	60.154.688	(60.587.516)	2.544.445
Thuế khấu trừ nhà thầu nước ngoài	16.092.888	1.575.718.712	(1.563.373.758)	28.437.842
	4.876.090.886	36.580.350.948	(33.646.952.069)	7.809.489.765

	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số khấu trừ/ số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.357.062.389	(7.108.114.533)	3.248.947.856
Thuế thu nhập cá nhân	1.275.309.849	17.260.998.471	(16.928.235.451)	1.608.072.869
Thuế giá trị gia tăng	4.545.455	101.939.091	(103.507.273)	2.977.273
Thuế khấu trừ nhà thầu nước ngoài	-	2.127.434.241	(2.111.341.353)	16.092.888
	1.279.855.304	29.847.434.192	(26.251.198.610)	4.876.090.886

23. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Chi phí cho nhân viên	9.534.387.737	8.411.023.171
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.153.305.684	1.308.364.960
Chi phí lãi	635.401.501	1.552.985.982
Phí tư vấn	129.328.861	69.066.187
Các chi phí khác	2.733.132.369	2.431.488.306
	15.185.556.152	13.772.928.606

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải trả cổ tức (*)	734.212.253	386.490.263
Các khoản phải trả cho khách hàng	31.363.000	31.247.800
Các khoản phải trả khác	37.195.600	114.324.273
	802.770.853	532.062.336

(*) Dựa trên kế hoạch chia cổ tức đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2020, vào ngày 28 tháng 5 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt là 29.699.838.300 VND tương đương với 330 VND một cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 23.099.838.300 VND).

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp			
	2020 VND	%	2019 VND	%
Phu Hung Far East Holding Corporation	414.000.000.000	46,0%	322.000.000.000	46,0%
An Thịnh Development Limited	162.831.550.000	18,1%	64.831.550.000	9,3%
Khác	323.168.450.000	35,9%	313.168.450.000	44,7%
	900.000.000.000	100%	700.000.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu kỳ	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu phát hành (*)	200.000.000.000	-

Số dư cuối kỳ

900.000.000.000

700.000.000.000

- (*) Ngày 9 tháng 1 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 224/UBCK-QLKD chấp thuận hồ sơ đăng ký phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty. Ngày 12 tháng 2 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 20.000.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu và nhận được số vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND.

Ngày 4 tháng 3 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 12/GPDC-UBCK chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 900.000.000.000 VND.

26. Lãi/(lỗ) từ bán TSTC ghi nhận theo FVTPL

2020	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tổng số lượng bán VND	Tổng chi phí VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM</i>					
HPG	341.190	27.257	9.299.736.500	8.858.944.423	440.792.077
CTG	200.530	25.821	5.177.961.500	4.903.793.957	274.167.543
ACB	101.900	25.465	2.594.880.000	2.729.130.000	(134.250.000)
VCB	26.200	81.748	2.141.795.000	2.021.259.437	120.535.563
GEX	117.040	21.528	2.519.610.000	2.399.970.221	119.639.779
BMP	45.610	57.808	2.636.614.000	2.537.201.274	99.412.726
MWG	25.930	92.746	2.404.916.000	2.308.272.031	96.643.969
DHC	58.500	45.603	2.667.797.000	2.577.350.000	90.447.000
VND	45.050	19.654	885.390.500	796.807.348	88.583.152
TCB	153.700	21.315	3.276.155.000	3.364.173.000	(88.018.000)
BID	18.020	46.188	832.308.000	751.009.701	81.298.299
Cổ phiếu khác	2.252.510	29.699	66.897.527.300	66.719.352.797	178.174.503
	3.386.180	29.926	101.334.690.800	99.967.264.189	1.367.426.611
Trái phiếu niêm yết					
VPL11812	950.000	102.024	96.922.800.000	96.822.100.000	100.700.000
MSN12001	480.000	103.880	49.862.400.000	49.836.480.000	25.920.000
MSN12003	480.000	103.039	49.458.720.000	49.432.800.000	25.920.000
Khác	1.060.341	101.805	107.948.491.343	107.892.335.585	56.155.758
	2.970.341	102.410	304.192.411.343	303.983.715.585	208.695.758

2020

Trái phiếu đã niêm yết

	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tổng số lượng bán VND	Tổng chi phí VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
MSN05202301	1.930.000	100.511	193.985.309.947	193.632.527.397	352.782.550
VPL04202402	1.940.000	102.747	199.328.795.078	199.199.197.469	129.597.609
Khác	705.294	103.498	72.996.632.821	72.956.010.000	40.622.821
	4.575.294	101.919	466.310.737.846	465.787.734.866	523.002.980

Các chứng chỉ quỹ

	453.780	11.035	5.007.296.719	5.000.000.000	7.296.719
	11.385.595	77.014	876.845.136.708	874.738.714.640	2.106.422.068

2019	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tổng số lượng bán VND	Tổng chi phí VND	Lãi/(lỗ) từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL					
<i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM</i>					
FPT	63.740	49.753	3.171.275.500	2.947.250.000	224.025.500
DGW	38.500	24.235	933.039.000	984.745.000	(51.706.000)
PNJ	32.300	92.095	2.974.675.000	3.022.783.000	(48.108.000)
TCM	29.500	28.325	835.600.000	793.423.000	42.177.000
VIC	23.650	114.923	2.717.940.000	2.760.105.000	(42.165.000)
MSH	28.000	58.913	1.649.552.000	1.690.929.000	(41.377.000)
VCB	57.700	67.186	3.876.640.000	3.836.827.928	39.812.072
VNM	31.150	128.033	3.988.220.000	4.024.398.884	(36.178.884)
POW	68.200	14.987	1.022.111.000	986.210.000	35.901.000
BID	76.100	36.706	2.793.298.500	2.758.924.557	34.373.943
Others	1.784.470	28.936	51.634.923.000	51.906.247.412	(271.324.412)
	2.233.310	33.850	75.597.274.000	75.711.843.781	(114.569.781)
<i>Trái phiếu đã niêm yết</i>					
MSN11719	430.609	103.505	44.570.184.545	44.546.931.659	23.252.886
MSR118001	950.000	103.875	98.681.250.000	98.629.950.000	51.300.000
SDI11717	950.000	102.336	97.219.200.000	97.118.500.000	100.700.000
	2.330.609	103.179	240.470.634.545	240.295.381.659	175.252.886
	4.563.919	69.254	316.067.908.545	316.007.225.440	60.683.105

27. Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	2020 VND	2019 VND
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	24.469.461.981	11.269.902.468
Thu lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	3.145.205.476	-
	27.614.667.457	11.269.902.468

28. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	105.787.208.110	122.644.501.344
Thu nhập tiền lãi từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán	7.370.228.089	6.705.191.690
	113.157.436.199	129.349.693.034

29. Chi phí môi giới chứng khoán

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương cho nhân viên	26.835.505.940	27.416.370.356
Hoa hồng cho nhân viên môi giới	23.112.077.951	16.543.434.213
Phí môi giới chứng khoán	11.078.941.886	9.103.834.328
Chi phí thuê	7.124.972.465	6.251.671.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.763.491.426	3.878.397.676
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.204.721.038	1.132.236.483
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	5.283.549	-
Chi phí khác	1.296.888.404	1.388.873.492
	75.421.882.659	65.714.817.896

30. Chi phí lãi

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	16.528.619.109	26.622.151.098
Chi phí lãi cho tiền gửi của khách hàng cho các giao dịch chứng khoán	249.240.734	168.000.755
	16.777.859.843	26.790.151.853

31. Chi phí quản lý

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lương cho nhân viên	22.001.799.207	17.894.995.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.524.678.267	12.669.290.806
Chi phí thuê	2.965.904.582	2.663.194.239
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	3.721.495.612	2.569.426.493
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.017.018.358	763.418.918
Thuế, phí và lệ phí	126.797.504	37.494.603
Chi phí khác	2.987.408.088	2.607.473.577
	48.345.101.618	39.205.293.931

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.529.635.007	10.357.062.389
Dự phòng thừa trong những năm trước	(416.943.370)	-
	13.112.691.637	10.357.062.389
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(240.632.606)	(73.266.172)
	12.872.059.031	10.283.796.217

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.715.361.882	57.805.349.223
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.143.072.376	11.561.069.845
Chi phí không được khấu trừ thuế	162.464.821	139.388.101
Thu nhập không bị tính thuế	(16.534.796)	(31.042.477)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(416.943.370)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(1.385.619.252)
	12.872.059.031	10.283.796.217

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

(d) Lỗi tính thuế

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có số dư lỗi tính thuế đã được sử dụng (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.928.096.260 VND).

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 52.843.302.851 VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: lãi thuộc về cổ đông phổ thông là 47.521.553.006 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 87.704.428 cổ phiếu (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: 69.999.510 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	52.843.302.851	47.521.553.006

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2020 VND	2019 VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	69.999.510	69.999.510
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	17.704.918	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	87.704.428	69.999.510

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	603	679

Công ty không có bất kỳ cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm báo cáo.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Phu Hung Far East Holding Corporation – cổ đông		
Nhận vốn góp	92.000.000.000	-
Cổ tức bằng tiền	13.662.000.000	10.626.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư An Thịnh – cổ đông		
Nhận vốn góp	98.000.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	-	3.087.017
Phí chuyển nhượng cổ phần	-	65.494.450
Cổ tức bằng tiền	5.373.441.150	2.139.441.150
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng – công ty liên quan		
Nhận vốn góp	10.000.000.000	-
Phí lưu ký chứng khoán	5.637.752	3.321.040
Chi phí lãi	751.547	772.750
Cổ tức bằng tiền	619.584.570	289.584.570
Phí quản lý sổ cổ đông	27.272.727	27.272.727
Khác	81.548.197	84.426.260
Dong Bang Development Limited – cổ đông		
Cổ tức bằng tiền	2.245.320.000	2.245.320.000
Phí lưu ký chứng khoán	22.949.892	25.268.760
Freshfields Capital Corporation – cổ đông		
Cổ tức bằng tiền	2.245.320.000	2.245.320.000
Phí lưu ký chứng khoán	22.949.892	25.268.760
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái – cổ đông		
Phí lưu ký chứng khoán	39.109.001	42.172.132
Cổ tức bằng tiền	3.826.258.590	3.826.258.590
Chi phí lãi	1.912.745	2.046.477
Phí tư vấn	-	42.909.091
Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt		
Lương và các khoản phụ cấp	2.939.251.625	2.842.025.375

35. Báo cáo bộ phận

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, kinh doanh nguồn vốn và các bộ phận khác.

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2020						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	66.455.020.536	7.121.462.202	140.664.468.458	2.016.844.082	216.257.795.278
2. Chi phí trực tiếp	02	65.317.987.861	3.228.814.424	74.970.638.800	2.792.929.198	146.310.370.283
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	5.283.549	11.781.000	3.721.495.612	-	3.738.560.161
4. Dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	29.057.592	-	-	29.057.592
5. Dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	487.676.269	-	487.676.269
6. Thu nhập khác – thuần	06	-	-	-	23.230.909	23.230.909
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (07 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05)	07	1.131.749.126	3.851.809.186	61.484.657.777	(752.854.207)	65.715.361.882
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tài sản bộ phận		28.148.950.026	60.547.170.051	2.045.305.977.116	1.098.137.857	2.135.100.235.050
Nợ phải trả bộ phận		372.083.448.327	2.250.887.085	766.529.799.819	807.185.996	1.141.671.321.227

30. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

(i) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Mã số	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Tổng VND
2019						
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	01	50.542.043.973	1.523.389.675	146.862.525.500	2.849.740.754	201.777.699.902
2. Chi phí trực tiếp	02	57.463.803.908	2.598.592.670	78.683.024.940	2.494.383.413	141.239.804.931
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	03	-	11.369.298	2.569.426.493	-	2.580.795.791
4. Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	04	-	(26.841.403)	-	-	(26.841.403)
5. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	05	-	-	194.343.728	-	194.343.728
6. Thu nhập khác	06	-	-	-	15.752.368	15.752.368
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (07 = 01 + 06 – 02 – 03 – 04 – 05)	07	(6.921.759.935)	(1.059.730.890)	65.415.730.339	371.109.709	57.805.349.223
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019						
Tài sản bộ phận		25.676.048.489	4.113.748.478	1.646.062.783.636	981.310.545	1.676.833.891.148
Nợ phải trả bộ phận		7.701.692.614	783.396.688	897.268.492.824	794.859.750	906.548.441.876

(ii) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

36. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Trong vòng một năm	16.265.771.623	7.312.686.090
Từ hai đến năm năm	44.419.435.143	4.999.235.088
	60.685.206.766	12.311.921.178

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG

Tầng 3, Tòa nhà CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú Quận 7, TP.HCM

Điện thoại: (84 28) 5413 5479

Fax: (84 28) 5413 5472

www.phs.vn